

集文詩深尋

Tâm-Nguyễn

THI VĂN TẬP

Truyền-bá tư-tưởng, Nâng cao văn-hóa

Gồm có các phần : Văn-Nghệ ; Khoa-Học ; Chính-Trị ;
Sử-Ký ; Pháp Luật ; dân-giải ; Danh-từ Thường-thí
Danh-Từ Tư-Pháp ; Quân-Sự ; Phụ-trương Pháp-Văn v.v
(Supplément en français)

do các vị khoa-mục tân-cựu học-biên soạn

Bộ Biên-tập : 13 Duy-Tân Hà-nội

BIÊN-TẬP: ĐẠM-NHUYỄN và MẠNH-HÀ

YÊU MỤC

VĂN - NGHỆ

Ánh Cụ Tam-Nguyễn	Cử-Nhân Ng. V. Bình
Thơ tặng T.N.T.C.	Tú-Tài, N. Q. Diễm
Bài thứ II	
Thân thế văn-thơ	Vỵ-Kiều
Cao Bé-Quát	Tú-Tài, Vũ-Huy-Chieu
Điển-nôm bài-trí mạnh	Mạnh-Hà, Cử-Nhân Toán
Định-nghĩa Thi-Nhân	
Đông-Tây cách-ngôn	Cử-Nhân Ngô-Lập-Chi

KHOA - HỌC

Khoa-Học với Văn-Chương	Mạnh-Hà, Cử-Nhân Toán
Lý-thuyết Nguyễn-Tử	(tiếp theo kỳ trước)

PHU-TRƯƠNG BẰNG PHÁP-VĂN

(Supplément en français)

Napoléon et les savants de Milan	Traduction de Đạm-Nguyễn
Vie littéraire de Tam-Nguyễn Nguyễn-Khuyển	Mẹ Giáo Minh (xem tiếp trang sau)

Réponse de la Veuve
Les Thô au Viêt-Nam Nord,
Leurs mœurs et coutumes ;
Chants adressés aux époux
Thô de Cao-Bằng et Lạng Sơn
Pensées d'Orient et d'Occident

Mé Giáo Minh

Biệt-Lam
Đạm-Nguyên

CHÍNH - TRỊ

Khảo luận về Chính-Trị

Chu-Hậu

SỬ - KÝ

Tiếng thơm muôn thủa

Cử-nhân Ngô-lập-Chí
(Văn-Khoa Đại Học)

Hịch các Tỷ-Tướng của
Trần-Hưng-Đạo
Cá-tính, phong tục và tập-quán
Đồng-bào thiểu số

Chu-Hậu

Thuần-Phong

DANH-TỪ THỰC-DỤNG

Giải nghĩa danh từ chữ hán
Danh-Từ Tư-Pháp
Danh-Từ Quân-Sự

Đạm-Nguyên
Đạm-Nguyên
Thuần-Phong

VĂN NGHỆ (liếp theo)

Tiêu-Sử và văn-thơ
Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ
Các thiêng : Đường-Luật,
Lục-bát, Song-thát lục-bát,
Tứ-tuyệt liên-hoàn v.v...

Vỵ Kiều
Đạm-Nguyên
Đạm-Nguyên

Y-HỌC THƯỜNG-THỨC

Bệnh truyền nhiễm : và
Phương pháp đề-phòng

Thanh-Khiết

GIẢI-ĐÁP PHÁP-LUẬT

Việc điền thò
Bản chứng chỉ thay giấy giả-thú

Thanh Khiết

MỤC ĐÍCH CỦA TẦM-NGUYỄN THI-VĂN-TẬP

TẦM-NGUYỄN THI-VĂN-TẬP lấy sự truyền bá tư tưởng, nâng cao văn hóa làm mục đích. Biên soạn hoặc trích dịch những bài bằng Quốc-văn, Hán-văn, Pháp-văn.v.v...

Các bạn xa gần: muốn tán thành mục đích trên, hoặc giúp về sự cõ động, hoặc giúp về đường ngôn luận, Bản-Báo trân trọng cảm ơn, và kính tặng số thù lao:

Thư và ngân phiếu, xin đề tên ô. Nguyễn-Đức-Đạm thâu nhận.

Giá mỗi tập : 20 đồng
Mua nhiều sẽ tính giá riêng.

TẦM-NGUYỄN THI-VĂN-TẬP

13, Duy-Tân - Hanoi



*Di ảnh Cụ TAM-NGUYÊN YÊN-ĐỒ
(Trong khi sung Sứ Quán Toàn-Tu tại Triều-Định Huế*

*(Xin coi “Thân Thể và Văn Thơ” của Cụ
ở trang Văn Nghệ, số)*

Thơ tặng Tầm - Nguyên Tạp - Chí



Bản Chí tiếp được những bài thơ sau đây,
của các bạn gần xa gửi tặng, xin lần lượt
lục đăng, và xin thành thực cảm ơn các bạn.

I

*Giáp - Ngọ đầu năm mới khởi nguyên,
Mừng xem bút-pháp báo Tầm - Nguyên.
Bao trang luận thuyết đầy căn cứ ;
Mỗi áng văn - chương một bản nguyên,
Vạn nước mong phù công nhất thống ;
Nếp nhà thèm rạng đầu Tam-Nguyên.
Ngày ngày văn phạm mong tình tiến ;
Ròng nhánh muôn ngàn, đợi phát nguyên.*

Cử-nhân NGUYỄN-VĂN-BÌNH

Q

II

*Đem cuốn thi văn dở trước đèn,
Này tài ông Lý, chữ ông Thuyên !
Lấy câu phong nhã, pha lời tục ;
Ngụ ý xuân thu, dựng bút tiên !
Theo rồi qui-mô, nhà Bác - Cồ ;
Rõ ràng tôn chỉ, báo Tầm - Nguyên.
Non Nùng, sông Nhị còn đây mãi,
Văn ấy nghìn thu át rồi truyền !*

Tú-ài NGUYỄN-ĐIỀM

Cao - Bá - Quát

“ Một danh - nhân đất Việt ”



Cao-Bá-Quát, Biệt hiệu là Chu-Thần, anh em song sinh với Cao-Bá-Đạt người làng Phú-Thị, thuộc tỉnh Bắc-Ninh. Xuất thân trong nền Khanh-Tướng, ông sẵn tư-chất thông minh ngay từ thủa nhỏ, học đâu nhớ đấy, chữ tốt, văn hay, ai ai cũng đều mến phục. Một nhà văn họa, anh em nhà ông, đều là những bậc có kỵ tài, ít người sánh kịp, nên lúc thiếu thời, tiếng tăm đã lừng lẫy trong tỉnh, khiến các bạn học đồng thời, đều phải phục tài. Cao Bá-Quát lại có biệt tài về thơ và câu-dối. Thơ và câu đối của ông, đến nay hẵn còn truyền tụng.

Anh em nhà ông đều là những tay bay chữ, hay quá đến nỗi, có người đã thuật truyện rằng : Cao-Bá-Quát đã nói : « trong nước có ba bồ chữ thì anh em nhà ông đã chiếm được hai bồ, còn lại một bồ để phần cho mọi

người ». Câu đó không chắc có phải ông Quát đã nói hay không, Hay chỉ là câu truyện đùa của một vị nào, đã khéo bầy ra, để tỏ rõ sự hay chữ của anh em nhà ông đó thôi.

Ông cùng ông Cao-Bá-Đạt đều đậu Cử-Nhân khoa Giáp-Ngo, (1834). Nhưng khi vào Kinh thi Hội, ông không được trúng cách, chỉ vì cái lỗi hành-văn khác người của ông. Văn hay, chữ tốt, mà thi lại hỏng. Nhưng, đỗ hay không, ông cũng chẳng để tâm, vì ông cho rằng : Thi cử chẳng qua là cái thước đo người mà thôi. Văn-tài của ông thì ai đo được, mà ông cũng chẳng muốn để ai đo.

Từ đó, ông sinh chán-ghét sự thi-cử, đọc ngang hở hải, nay đó mai đây, đem văn-chương đùa cợt với người đời. Ông viết ra nhiều bài hát rất hay, đại để như bài sau đây :

Việc đòi chém nỗi

*Thế-sự thăng trầm quẩn mặc vần ;
Yên ba thân xúi hưu ngư châu. (1)
Vắt tay nắm nghẽ chuyện đâu đâu,
Đem mông-sự đọ với chân-thân thời cung hệt.
Duy giang-thương chi thanh-phong, dù sơn-gian chi
[minh-nghỵết ; (2)*

*Kho giời chung, mà vô tận của mình riêng.
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn-thieng,
Kẻ thanh-thị, kẻ vui miền lâm-tẫu (3)
Gõ gip láy, đọc câu «Tương tiến-tửu (4)
Quán bá! kiến Hoàng-Hà chi thủy thiền-thương lai,
Làm chi cho mệt một đời ! (5)*

Chú-thich. — Hai câu chữ là thích mà thôi.
Hán ở đầu nghĩa là: Việc 3) Lâm-tẫu là rừng và nội
đòi khi chém khi nỗi, các cỏ ;
ông còn hỏi đến mà chi, 4) Tương tiến-tửu: đầu-
trong chỗ khói mây, sóng gió-đè bài Nhạc-Phủ của Lý-Thái-
mịt mù kia, thấy có chiếc Bạch ;
thuyền đánh cá. Ngũ ý nói, 5) câu này nghĩa là: Các
hãy nên gác bỏ việc đòi, mà ông chả từng thấy nước sông
tiêu-dao ở nơi sương khói mịt Hoàng-Hà, từ trên ngàn đồ
mù với chiếc thuyền đánh cá.
xuống đó ư ?

Câu chữ Hán thứ 2. — câu này trích ở bài phú xích-Bích
của Tô-Đông-Phà nghĩa là:
Chỉ có gió mát ở trên sông,
và giăng trong ở khoảng núi

Ý nói, cuộc đòi chém như
nước chảy không bao giờ trở
lại nữa.

Như vậy cần chi mà lao-
lao, lục-lục, vật lộn với đời.

Trong triều vua Thiệu-Trị, (năm 1841) Quan Tỉnh Bắc-Ninh thấy ông là người có tài, mà chưa đắc dụng, liền sớ tâu về Kinh, xin Triệu-Đinh lục dụng. Ông liền được triệu về Kinh giữ chức Hành-Tảu bộ Lễ trong khi đó, anh ông là Cao-Bá-Đạt, đã giữ chức Tri-huyện Nông-Cổng (Thanh-Hóa). Khi làm việc ở Bộ-Lễ, ông Quát nổi tiếng là bậc văn tài xuất chúng, khiến các bạn đồng-sự đều phải khâm phục. Mọi người thường nói : « Thần Siêu, thánh Quát » và quý mến ông như Thánh sống.

Vua Dực-Tôn là một ông Vua hay chữ, cũng phải phục tài, và khen ngợi ông trong hai câu thơ sau:

« Văn như Siêu Quát, vở Tiền Hán ;
« Thị dào Tùng Tuy, thất
Thịnh Đường ».

Nghĩa là : Đời nhà Tiền-Hán, cũng không có văn nào hay hơn ông Siêu, ông Quát; Thơ hay như thơ của Tùng-Thiện-Vương, và Tuý-Lý-Vương, có thể át cả thơ hay trong đời Thịnh-Đường.

Khi ở Kinh, ông Cao-Bá-Quát, thấy trong điện Cần-Chánh có câu đối sau :

« Tử nǎng thừa phụ nghiệp ;
Thần khả báo quân ân »

Nghĩa là : Con hay nối nghiệp cha ; Tôi khá đèn ơn chúa ; Thầy chữ con ở trên chữ cha, chữ tôi ở trên chữ chúa « Ông liền bốn cột nói : » Hảo hè, hảo hè, phụ tử quân thần diên-dảo « nghĩa là : Hay chẳng là hay, cha con, vua tôi dảo ngược ». Ông liền chừa rằng :

Quân ân, thần khả báo ;
Phụ nghiệp, tử nǎng thừa.

nghĩa là : Ông vua, bầy tôi phải trả, nghiệp cha, con phải nối.

Vua Dực-Tôn và các Quan trong Triều, thấy ông chỉ đổi chữ dưới lên trên, không hề thêm bớt chữ nào, mà thành chỉnh hồn, nên đều khen ngợi.

Lại một hôm, khi qua Thi-Xã, là nơi tập hợp của các danh-nhân và các vị Khoa-Bảng, để viết văn, làm sách. Ở đó, biết bao văn hay, chữ tốt, thế mà ông chỉ xem qua, rồi đọc ngay :

Ngán thay cái mũi vô duyên,
Câu văn Thi-xã, con thuyền
Nghệ-An !

Ngụ ý, ông nói: Câu văn trong Thi-xã không được hay, và có mùi khó ngửi như mùi nước mắm của chiếc thuyền mành ở nghệ-An:

Ông Quát là bậc đại-tài, khắp chốn Triều-Dinh, Châu Quận, ít người sánh kịp Song, tinh tinh cương trực, chí khí hiên ngang, đã không chịu khuất, lại thường hay châm biếm những người nịnh-thần, mà làm thơ rêu cợt, khiến một nhóm người không ưa, hết sức gièm pha, nên trong mấy năm làm quan, ông bị nhiều lần giáng chức.

Và trong khi ông phải giáng xuống làm Giáo-Thụ Quảng-Oai, ông đem lòng oán giận Triều-Dinh và Nhà Vua, không biết dùng người, để họ nịnh-thần chuyên cầm quyền chính. Rồi, từ chỗ phẫn uất, đến chỗ chống lại Triều-Dinh, cũng chẳng cách xa. Ông tự nghĩ:

Đời đã thế, thì ta cần chí
Được làm vua, thua làm giặc
đã sao? ông liền chiêu mộ
binh-sỹ, chống lại Triều-Dinh.

Tháng 8, niên hiệu Tự-Đức thứ bảy, (1854) Viên Hộ-Đốc tỉnh Bắc-Ninh hay tin ông khởi quân, liền phi báo về Triều-Dinh. Tháng 10 năm ấy, sau một trận giao chiến, ông Quát bị bắt sống, đưa về Hanoi, rồi, bị sứ tử tại nguyên-quán (làng Paú-Thị,) trăm quyết cùng với họ hàng. Sau, ông Siêu có câu đố viếng ông như sau:

*Tối lận tài, quán cô tại danh,
nan đê cánh nan huynh, bắt
thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử;*

*Khả tích giả, đáo đầu sự
thế, thử nhân nhi thử ngộ,
hỗn tràn lưu xú diệc lưu
phương.*

Xin tạm diễn nghĩa như sau:

Đáng thương thay, tài danh
một bậc xưa nay, cùng sinh
cùng đỗ, anh em ai rẽ kém ai.
Sống, chết mộng đời, chung
một giấc;

Khá tiếc nhỉ, sự thế trăm
năm hay dở, rằng rủi rằng
may, Tai mắt thế mà đến thế,
chè, khen miệng thế, dù đời
đường.

Vỵ-Kiều sao lục

Dịch bài tri-mạnh

của Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ

(Cụ - Tam chỉ viết một bài bằng chữ
Hán, sau có nhiều bậc ái văn đem diễn
nôm, nay xin lần lượt lục đăng)

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN

Ngã niên cập bát bát
Ngã số phùng kẫu kẫu
Ta tai ngã đức lương,
Thọ kỷ mại tiên khảo.
Ta tai ngã học thiền,
Khôi nhiên chiếm long thủ,
Khởi phi tiên Khảo linh.
Lưu dĩ tích nhĩ phụ,
Khởi phi tiên khảo danh.
Bất tố dĩ di hậu,
Binh nhật vô thốn công,
Phủ ngưỡng dĩ tạm phụ,
Tử hạnh đắc toàn qui.
Táng hạnh đắc thân phụ.
Túc hĩ phục hà cầu,
Tử táng vật yêm cửu.
Quan khâm bất khả mĩ
Chỉ dĩ liệm thủ túc.
Cụ soạn bất khả phong,
Chỉ dĩ đáp bôn tầu,
Bất khả tả chúc văn,
Bất khả vi đổi cù.
Bất khả thiết minh tinh.
Bất khả đè thần chủ.
Bất khả đạt môn sinh,
Bất khả phó liêu hữu,

DIỄN NÔM

Tuổi tam-tám vừa tới.
Số kẫu-kẫu trùng phùng.
Than ôi ! đức thầy mồng.
Mà thợ hòn Tiên-công !
Than ôi ! học thầy kém,
Mà đồ đâu bằng rồng !
Chả phải đức Tiên-khảo ?
Đè cho thầy đấy không ?
Chả phải tiếng Tiên-khảo ?
Đè cho thầy làm xong ?
công lao chưa một tấc,
Ngửa cúi luống hẹn thùng.
Nay về được toàn vẹn.
Táng gần mộ tổ-tông.
Đủ rồi, cầu chi nữa.
Ma chay chờ dài-dòng.
Khâm liệm không hoa-mỹ.
Đủ gai ghém là cùng.
Cô bàn không bầy vẹ.
Đủ dãi người hộ tung.
Văn-tế không nên viết.
Câu đỗi không nên dùng.
Không minh-tinh ngắt ngưỡng.
Không đè chủ viễn-vông.
Môn-sinh không đạt giấy.
Liêu-hữu không báo chung,

Tân băng bắt khả chiêu.
Phùng điếu bắt khả thư,
Thủ giải lụy ư sinh,
Tử giả diệc ô hữu,
Chỉ dĩ trọng ngô quá.
Tương lai cánh đa khâu,
Duy ư tang chi nhạt.
Kỳ biền dàn tiền đạo.
Ca công bát kiu nhân,
Suy tổng liệt tả hữu.
Thảo thảo tang ngã hoàn,
Chước ngã dĩ đầu tửu.
Sở đắc tân sắc băng,
Phong hoàn nạp Súy phủ.
Viên đè mộ thạch bi,
Hoàng Nguyễn mỗ hưu tầu.

*Phùng viếng không được nhận.
Bè bạn không mời đồng,
Chỉ lụy cho kẻ sống,
Người chết, đau : còn mong !
Chẳng những lheavy mang tiếng.
Chỉ, nghị thêm bạn lòng.
Chỉ riêng ngài cắt đám.
Cờ biền đi trước vong !
Đôi bên dàn kèn trống.
Bầy tám người nhạc - công !
Thành phần xong đau đáy,
Khấn thay chén rượu nồng !
Còn băng-sắc mới được,
Nợp Súy-phủ nguyên - phong !
Đè bia dựng trước mộ,
Hoàng - Nguyễn mỗ hưu - óng !*

Tú-tài VŨ-HUY-CHIỀU
Diễn-nôm



Định nghĩa thi nhân

Mạnh-Hà

Là thi nhân đâu phải ru với gió.
Mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây
Mắt mờ đi trong men loạn cuồng say
Chân liu bước, theo tâm hồn phiêu đãng.

. . .

Là thi nhân phải là người hùng tráng
Đem lời thơ thông cảm với nhân dân.
Chỉ có « ru » trong nghĩa sống hợp quần
Gọi người trai một đi vì phận sự.
Chỉ có « mơ » ngày về trong lịch-sử
Của dòng thơ Hưng-Đạo với Quang-Trung.
Chỉ có « say » dòng máu giống Tiên Rồng.
Men chiến thắng nở giữa mùa dàn tộc.

. . .

Là thi nhân đâu phải sâu trong mộng
Đem lời thơ than thở với tình yêu
Ngã nghiêng « say » tóc lướt; dáng yêu Kiều
Quên làng cả..., ước mơ cùng người đẹp.

. . .

Là thi nhân phải xây trên sự nghiệp
Một bản nǎng thuần túy của chàng trai
Đang hồn thơ cho xã hội ngày mai.
Hòa Hạnh phúc sống trong hồn đất nước.
Nếu có « sầu » xin sầu ngày vong quốc
Hận đau thương tủi nhục đến ông cha,
Nếu có « yêu » hãy yêu khúc hoàn ca.
Còn vắng vắng sóng Đăng Giang sông Nhị.

. . .

Hồi những ai đã mang danh thi Sỹ.
Hãy tìm đi ! trong khúc nhạc bình minh
Gửi lời thơ ! trong ánh sáng hòa bình.
Mùa bút thép đậm tô hồn đất nước.
Đang dòng thơ trong tình yêu tổ quốc.
Gửi thi ca trong tiếng vọng non sông.
Đừng đau thương buồn tủi với « tình lòng »:
Đừng mải mê trong nhạc cuồng thế tục.

. . .

Thi nhân nhỉ ! chỉ đây là hạnh phúc,
là con đường chiến thắng của đấu tranh.
Là tự do độc-lập, với hòa bình.
Là một ngày khi muôn dân no ấm
Là cờ vàng hanh bay trong trời sẩm.
Là ngày về với lịch sử vinh-quang.

Bóng ai in dưới nắng vàng
Rung rinh khi ánh xuyên ngang xế chiều.
Ai nhìn ngọn gió đều hiu
Động hồn Thi Sỹ nhìn chiều khẽ ngâm.
Ta xứng đáng « hè » trai Hồng Lạc.
Ta noi gương « hè » gái Trung Vương.

Thủ-đô, trưa hè chính chiến

Đông Tây Cách-Ngôn

Ngã quý nhi nhân phụng chi, thực phi phòung ngã, phụng thúr nga-quan đại dời dã ; Ngã tiện nhi nhân vũ chi, thực phi vũ ngã, vũ thủ bồ y thảo lý dã. Ngã hờ vi hỉ, ngã hờ vi nộ.

Hồng-Tú-Thanh

DỊCH NGHĨA

Ta giàu sang mà người thù phụng ta, thực có phải là họ thù phụng ta đâu, chẳng qua họ chỉ thù phụng cái mū cao, áo chùng đó mà thôi. Ta nghèo hèn mà người khinh rẻ ta, thực không phải họ khinh rẻ ta đâu, chẳng qua họ chỉ khinh rẻ cái áo vải, dép cỏ đó mà thôi. Thế thì ta cần gì mà thích những kẻ thù phụng ta. Ta hơi đâu mà giận những kẻ khinh rẻ ta.

Giải nghĩa thêm: Câu cách ngôn này khuyên người phải tự-trọng, và tố tính cách cao thượng. Khi phú quý đừng kiêu căng, khi bần tiện vẫn cao thượng.



Phàm tác sự, tương thành công thời, kỳ khốn nạn tối thảm.

Nốt-Nhĩ Tốn

DỊCH NGHĨA

Phàm làm việc gì, khi tới lúc sắp thành công, thì thường gặp những sự khó khăn ngăn trở rất lớn.

Giải nghĩa thêm: phần nhiều những việc trên đời, khi làm gần đến lúc thành công, thường hay vấp phải những trở lực rất to. Nếu khi gặp cảnh khó khăn, mà nản chí ngay, thì không đi đến kết quả mĩ mãn. Ta nên nhận biết rằng: những bước vấp ấy, chính là lúc sắp tới mục đích của mình. Câu cách ngôn này, có ý khuyên người ta lập chí cho bền, đừng thấy khó mà chán nản...

*Cử-Nhân Ngô-Lập-Chi
trích dịch.*



Décider n'est rien ; ce que importe, c'est que les décisions soient exécutées. Pour venir à bout des choses, li,

1er par est de les croire possibles.

Louis XIV

Dự-định chưa đáng kể, điều cốt yếu là sự dự-định đó phải được thi hành. Muốn làm việc gì cho có kết quả, bước đầu tiên là phải tin chắc ở mình cá thè làm được.



On ne fait bien que ce que l'on fait avec passion. Celui qui travaille simplement pour gagner de l'argent et qui n'a pas la passion de son métier ne sera jamais un homme de valeur.

Một khi người ta ưa thích làm việc gì, thì làm mới đặc lực. Còn người nào làm việc

gi chỉ vì đê kiếm tiền, thì không phải là người có giá-trị.

L'heure n'est plus au discours, mais à l'action.

Chúng ta không thè căn cứ ở lời nói, mà ở việc làm.

C'est des premiers pas que dépend la carrière.

Làm việc gì, cũng cốt ở bước đầu.

Fréquemment en contact avec les gens, on verra noir et blanc.

Có ở lâu mấy nhau, mới hiểu rõ lòng nhau.

Dis moi qui tu hantes, je te dirais qui tu es.

Anh hãy nói cho tôi biết anh thường thân cận với ai rồi tôi sẽ nói cho anh biết anh là người thế nào.

Thuân-Phong dịch.



Khoa - học với Văn - chương

Quan niệm sai lầm của một số đông là khoa học và văn chương đối lập nhau; Quan niệm truyền thống ấy hình như đã xâm nhập đến tủy não của một số người để cho họ yên chí là thế! Thậm chí những người học khoa học mà không biết đến một nét văn học của nước nhà, không hiểu một bước đi của lịch-sử. Để che lấp chỗ khiếm khuyết ấy, họ chỉ trả lời một câu rất gọn: « Tôi học khoa học cơ mà! » Rồi đến những con người có thể gọi là nằm trong lĩnh vực của văn chương, mới một vài câu thơ « mơ mộng » hay « yếm thế » của mấy thi nhân động lòng trong cảm hứng, hay cái rót của lăng mạn từ mấy chục năm nay rơi lại, họ đã cho là thỏa mãn với nỗi lòng, họ đã vội cảm thông với thời thế, rồi buông tâm hồn trong văn thơ ẻo lả, mà mỉm theo một nụ cười đặc thắng hay lụ mĩu?

Cái quan niệm sai lầm ấy phải chăng là truyền thống? hay thiếu bản năng của lẽ sống / thiếu lập trường trong công việc.

Nếu là sự truyền thống ta nên bỏ nó đi, vì đó là một vấn đề rất hại, cho sự tìm hiểu lẽ sống của con người, chân lý của khoa học, sứ mạng của người trai.

Nếu là thiếu bản năng hay lập trường lại càng nguy hiểm nữa; vì sự thiếu bản năng đã làm cho bước sống của con người mất thế cân bằng, đấu tranh không lý tưởng, rồi dần dần trở về ích kỷ mà đi đến yếm thế vong thân.

Trở lại lịch trình của khoa học: ta đã thấy ngay từ thời ban sơ khai của con người di từ sự đếm con số 1 đến con số 9, bước qua bao giai đoạn lập luận của triết học mà chuyển vào phần phân tích tổng hợp đã để ra ý niệm con số vô cùng nhỏ và vô cùng lớn.

Lập luận của gallilée : « Quả đất thì tròn » đã đưa ta tới sự thành công của khoa thiên văn học. Ngay đầu thế kỷ thứ 17 do sự cảm thông của quần chúng, sự đun nồi nước sôi đậm kín mà Denis Papin đã đem lại cái kết quả của máy hơi nước.

Lược giải như vậy chắc chúng ta đã vội kết luận thì có gì liên can đến Văn học.

Liên can lăm các bạn à ! nếu ta đi sâu vào nó tìm hiểu nó hơn, đi từ nguyên nhân đến kết quả ta sẽ thấy sự liên hệ quan trọng của cái lẽ sống khoa học và văn học. « Sống » đây tôi không muốn nói là sống bằng cách ăn uống đi đứng mà « sống » có nghĩa thuần túy của nó, tức là cái ý nghĩa xây dựng phục vụ cho quần chúng và nhân loại.

Đành rằng khoa toán học là con đẻ của suy diễn và trực giác, khoa học thực nghiệm là do ý niệm của thí nghiệm kiểm chứng mà tìm ra. Nhưng trước khi suy diễn, hay thí nghiệm ít nhất các nhà thông thái đã phải lập luận, rồi do bao nhiêu lần thay đổi biến cố vật chất mới tìm ra được định luật, nhưng

thường thường là do sự cảm hóa lớp quần chúng hay sự quan sát thiên nhiên mà tới lập luận. Đã bao nhiêu thời kỳ, chuyền qua bao giai đoạn, những kinh nghiệm thông thường của nhà nông :

Mồng ba tha la lưỡi liềm.

Mồng bốn câu liêm.

Mồng năm liêm giật,

Mồng sáu thật trăng.

đã để ra khoa thiêu văn của người Trung quốc mà dẫn đến phép tính âm lịch lấy ngày 15 trong tháng là ngày mặt trăng đủ.

Nhưng khoa học tìm ra để làm gì ?

Nói rằng phục vụ nhân loại, thì đã biết đà quay bánh xe của lịch sử chưa mà phục vụ.

Nói rằng phục vụ nhân sinh thì đã cảm thông với quần chúng chưa mà phục vụ.

Nếu ta không hiểu được cái lẽ của phục vụ, cái đích của phục vụ. Phục vụ hay phục vụ ấy nó sẽ đi đến giết nhân loại, mà đưa nhân loại đến chỗ đau thương trên miệng hổ của tử thần.

Lời của một triết gia Đông phương đã nói trong cách tìm lẽ sống của con người. Ông nhấn mạnh: « khoa học mà đem phụng sự nhân loại là vẫn đề khó, nếu khoa học mà đem chém giết loài người là vẫn đề rất có thể xảy ra được, nếu một khi ta trưởng thành trên khoa học ». Lời nói ấy tuy đơn sơ, nhưng nó đã bao hàm cái lẽ sống của con người hòa trong sức sống của người dân, nó đã đem lại cái ý niệm cảm thông giữa lớp quần chúng, mà sự cảm thông nhau phải là do lịch trình của văn học.

Trở lại văn chương bình dân, những câu ca dao mộc mạc và chất phác, nó đã phác họa được cái khung cảnh của đời sống nhân dân, nó đã bộc lộ nỗi mong muốn của đám dân cầy, nó đã đưa những người khoa học một tia sáng trên con đường phục vụ, mà chính nó vén cho khoa học một bức màn tối băng kinh nghiệm.

Nếu bảo rằng đem khoa học mà cảm hóa dân, thì những phương trình, những

kỹ hiệu, đối với họ trong bước đầu tiên đã là vô dụng. Cái lợi khi thông cảm sắc bén không có gì hơn hết là nghệ thuật, văn chương. Rồi từ đấy cái lẽ sống của khoa học mới bước vào con đường « thực » của nó.

Thế thì tiêu chuẩn của con người khoa học là :

Đem văn nghệ mà cảm thông dân.

Đem khoa học mà phụ vụ dân.

Rồi học những kinh nghiệm của dân mà bồi bổ cho khoa học.

Nếu ta không có một quan niệm rõ rệt về học tập một lập trường đúng đắn của lẽ sống, thì chỉ mới mấy công thức toán, vài định luật căn bản mà tự phụ rằng : « con người khoa học »

Tôi e rằng : cái khoa học ấy chỉ có mục đích người thợ kiếm cơm, nhai lại cái ý thức của cổ truyền sao gọi là phụng sự cho khoa học

Nếu chúng ta muốn hiểu thế nào là khoa học, là lẽ sống của nó, thì đầu tiên chúng ta phải có 1 tiêu chuẩn

một đường đi đẽ xây dựng lập trường mà phung sự. Rồi trong bước phung sự ấy, ta sẽ đem nghệ thuật mà cảm hóa dân, đem những lời ca chân thật, mà tìm hiểu đời sống của nông thôn. Và từ đây trong kinh nghiệm bao năm trường của những người nông dân chất phác, nó sẽ phác họa cho ta một ý niệm của sự tìm tòi trong ánh sáng khoa học. Vì lẽ ấy sự liên hệ giữa khoa học và văn chương sẽ vô cùng quan trọng trong sự khám phá cái chân lý thiên nhiên, và cũng vì lẽ ấy toán học và khoa học thực nghiệm là khoa học thiên nhiên, mà văn chương được mệnh danh là khoa học xã hội.

Để kết luận tôi tạm mượn lời của giáo sư Phạm-việt-Tuyễn viết trong trang 8

quyển Nghị Luận văn chương:

« Xưa nay có nhiều người nhất là những người không hiểu khoa học, mà cũng không yêu văn chương lắm — thường đem đối lập khoa học với văn chương. Thực ra thì văn học là một khoa học vì nó cũng có đối tượng, phương pháp, và định luật như những khoa học khác.

Đối tượng là văn thơ; phương pháp là thu tập tài liệu, phân tích, giải thích, rồi tổng hợp phê bình và kết luận, để khám phá ra các tài liệu thực tế, và cũng dựa vào kinh nghiệm thí nghiệm, đồng thời lại giống các khoa học tiêu tắc ở chỗ đi tìm tòi khám phá các định luật chi phối việc nói, viết, cảm nghĩ và sống của cá nhân và cùng như đoàn thể.»



Lý-thuyết Nguyên-tử (Tiếp theo kỳ trước)

4) Sự chuyển vận trong Nguyên-Tử. — Chính ra Nguyên-tử gồm 2 phần :

A) Hạt-nhân : ở giữa mang điện tích dương. Đó là nơi tập trung của trọng khối nguyên-tử. Thực vậy, nếu ta gọi trọng khối nguyên-tử của một nguyên-tổ A nào thì nhân của nguyên-tử cũng do A trung hòa-tử và Z điện-tử dương mà tạo thành ; vì trọng-khối của điện-tử không đáng kể, mà mỗi trung-hòa-tử có trọng-khối suýt-soát 1 cho nên A trung-hòa-tử cũng có trọng khối gần bằng A và mang một điện-tích là ZE.

Nhưng nếu nguyên-tử của nguyên-tổ ta xét đây có A-Z=N proton kết-hợp (vì mỗi một proton có một trung-hòa-tử và một điện-tử dương tạo thành) N trung-hòa-tử thì A-Z=N. Vậy điện-tích của hạt nhân vẫn là + Ze, và trọng-lượng nguyên-tử không thay đổi Z+N=A

B) Điện-tử-âm Những điện-tử âm này chuyên-vận vòng quanh hạt nhân như những hành tinh lượn quanh mặt trời

trong thái-dương hệ, theo đường quỹ đạo là một vòng tròn hay hình bầu dục cho nên các điện tử âm còn gọi là điện tử hành tinh. Nhưng từ khi dòng điện xoay chiều và phép tịnh điện ra đổi. Với phương-trình $i = Imsiu-wt...$ cho ta một đường sóng ba đồng, rồi thì sự phóng tia âm-cục của dòng điện nhanh tam-tường cũng biểu thị một làn sóng Sin, nên quỹ đạo của các điện tử âm là một vòng tròn hay hình bầu dục không còn tồn tại nữa và nhượng lại cho thuyết quy-đạo Sin dòng của điện-tử. Như vậy dù rằng liên tục hay gián-doạn của quy đạo này ta vẫn thấy ít nhất nó cũng mang một cực đại và một cực tiểu, mà vận-tốc chuyên dịch của điện-tử khá nhanh cho nên khi qua cực đại hay cực tiểu thì năng lượng tỏa ra rất lớn vì lúc này nó đã tác dụng một công lớn nhất theo kỳ hiệu $W = F \times L$ (l , lớn F; lớn dĩ nhiên W lớn) đứng trên nguyên lý tương đương của năng lượng $W + JQ = 0$ mà xét thì cộng và nhiệt có sự trao-đổi nhau khi nó tạo thành

một công lớn tất nhiên nó phải tỏa nhiệt nhiều. Đó là nhiệt nặng và cũng vì lẽ ấy, khí bom nguyên-tử nổ khi quyển nóng vô cùng (sẽ nói kỹ sau về bom nguyên-tử) Ngày giờ ta hãy chú ý đến cách xếp đặt điện-âm ngoài nhân. Nếu trong nhân có Z điện-tử dương thì ngoài nhân cũng có Z Điện-tử âm, thế thì nguyên-tử phải trung-hòa về điện-tích nghĩa là điện-tích của nguyên-tử bằng, $-Ze + Ze = 0$ hay nói cách khác nguyên-tử không có điện tích, còn số Z gọi là con số nguyên tử hay số hiệu nguyên tử của một nguyên tố. Các điện tử âm này được phân bộ trên nhiều lớp mà chuyển dịch, những bao giờ có sử dụng chạm nhau; Các lớp liên-tiếp này chỉ tác dụng trên mỗi lớp cực tiêu là 1 cực đại là 8 (1 như Hydro) (8 như cái khi hiềm. Riêng trừ khi hiềm, lớp ngoài biên mới được hoàn toàn nghĩa là mang 8 điện-tử.)

Nhiệm-vụ của 2 phần —
a) Những điện tử âm ngoài biên có thể mất đi hay tự tạo khi một phản-ứng hóa-học xảy ra mà không làm tổn thương

đến hạt nhân nguyên-tử. Sở dĩ ta nói các điện tử ngoài biên có rất nhiều ái-lực trong phản-ứng hóa học là vì đứng trên nguyên-lý Newton $F = \frac{mm}{d^2}$, các điện tử đều hút nhau, khi có sự tác dụng của vài chất hóa-học trong một dụng đích nào đó. Vì vậy cho nên một công thức hóa học được thành lập là do sự tác dụng của điện tử ngoài biên nên lớp điện tử ấy gọi là điện tử hóa tri. Ta kết luận điện tử âm là một điện tử trực tiếp can thiệp vào phản ứng của hóa học. Ngày giờ ta hãy xét xem chúng can thiệp thế nào?

Khi một nguyên tử nào vi ảnh hưởng gì mất một điện tử âm thì lập tức điện tích biến thành dương: đó là lon dương. Thi dụ nguyên tử Natri chẳng hạn số điện tử hành tinh là 11 ($Z=II$) trên lớp điện tử ngoài biên chỉ có 1. Điện tử này không bền vì nếu gấp trường hợp thuận tiện sẽ tách rời khỏi nguyên tử; lúc này nguyên tử Na sẽ mang điện tích dương mà biến hóa ra dương ion vì thế nên Na có ái lực đối với điện

tử dương ta bảo Na là một của nguyên tử. Đó là kết quả chất dương.

Trái lại khi một nguyên tử chiếm đoạt được một điện tử âm dễ biến thành Ion âm. Đó là một chất âm. Ngày giờ ta cho một chất dương như Na kết với một chất âm như chlore dung với nhau thì lập tức Na thoát một điện tử âm ngoài biến cho. **Ce Sư** chuyên điện tử như vậy tỏa ra một nhiệt lượng rất lớn vì khi 1 Ion âm và 1 Ion dương được nối với nhau, hiện tượng sinh ra tinh điện và biến thành một phân tử. **CENa**

Những chất dương mang hòa trị dương, chất âm có hòa trị âm.

Tóm lại các điện tử âm là những điện tử quan trọng vô cùng của phản ứng, và từ đây chúng ta sẽ không thắc mắc rằng tại sao khi hai nguyên tử tò kết nhau phải có sự cần bằng hòa trị.

b) Phần trong là hạt nhân không thể thay đổi được dù một phản ứng khó khăn đến đâu cũng không tác dụng đến hạt nhân được. Hạt nhân là một đặc tính bất hủy bất diệt

của nguyên tử. Đó là kết quả của định luật Lavoisir.

Sự bắn phá của hạt-nhân nguyên-tử — Ngày xưa nhờ sự luyện kim để chế thành vàng những chất không có vàng người ta tìm tòi ra sự biến chất của các nguyên tố.

Ngày nay trong sự luyện kim các nhà bác học đã tìm ra lý thuyết của sự biến chuyển để bồ xung cho lý thuyết ngày xưa. Có hai phương-pháp của sự biến-chuyển chất này :

I/ — ta có thể thêm vào hoặc bớt đi một số trung hòa tử, mà số nguyên tử vẫn được bảo tồn. Đó là những chất đồng vì.

II/ — Nếu làm mất đi một số proton bằng cách phóng xạ để phá hoại nguyên tử thì sự phóng xạ này chỉ có thể can thiệp đến phần ngoài hạt nhân mà thôi. Đó là phạm vi của khoa hạch lý hóa. Công việc này tuy thế nhưng rất khó khăn, vì không phạm đến hạt nhân thì không thể làm biến nguyên chất được. Nhưng đến khi phân tán một nguyên tố nặng, như trong việc chế tạo bom nguyên tử (Sẽ nói trong

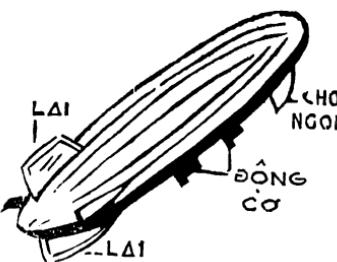
bài bom nguyên-tử) ta thấy năng lực phát xuất vô cùng lớn lao. Trong sự phỏng xa này xảy ra trong hai trường hợp :

1/ — Phóng xa thiên nhiên Đó là sự phỏng xa của các nguyên tố nặng như Do e

Trong sự phỏng

xa này ta thấy có nhiều tia được xuất hiện. Đó là những yếu tố thoát ly khỏi hạt nhân.

Đầu tiên tia là những hạt nhân như hezion đã mất hai điện tử âm mà mang hai điện tích là 2 e đó là tia alpla bêta rồi đến tia là những điện tử âm bắn ra với vận tốc rất mạnh cuối cùng là tia có đặc tính của tia X là tia game



2/ — Sự phỏng xa nhân tạo
Tuy rằng những nguyên tố nặng như do e tự-nhiên mà hัก phá..

Nhưng ta cũng có thể thực hiện được khi dùng phép bắn phá với tốc độ lực rất mạnh (sẽ nói rõ trong bài bom nguyên - tử). Đó là khoa hách lý hóa học. Tuy sự bắn phá này có tính cách nổ truyền nhưng các nguyên tử cũng không thể hủy diệt. Đó là kết quả của Lavoisier

Rồi đây trong bài bom nguyên tử chúng ta sẽ đủ dẫn chứng để bàn về sự bắn phá này.

MẠNH - HÀ Cử-nhan Toán học

Khảo luận về Chính-trị

của CHU-HẬU

« Làm chánh lấy đức », cũng ví như ngôi Bắc-thần ngồi ở giữa giới, mà các vị tinh tú đều quy hướng cả vào đó.

Nếu lấy chính lệnh để dẫn đạo dân chúng, lấy hình phạt để bình trị dân chúng, đó chỉ là tạm khiến người dân được khỏi vòng tội lỗi mà thôi,

Lấy nhân-đức để dẫn đạo dân chúng, lấy lẽ-nghĩa để bình trị dân chúng, đó mới khiến cho dân tự có lòng trisi, mà đi vào con đường thiện.

Nếu nhà lãnh-đạo chánh-quyền chỉ chuyên về mặt chánh-lệnh và hình phạt làm kế trị dận, thì nó chỉ là cái thuật áp-bức, bắt buộc được ngoài mặt người dân phải sợ pháp-luật, mà không dám làm điều ác đó thôi, nhưng kết-cục không dứt được mầm ác trong thâm-tâm của họ. Trái lại, nếu nhà lãnh đạo tự mình đem được lòng nhân-đức làm gương mẫu cho dân noi theo,

đem được sự lẽ-nghĩa dậy-dỗ cho dân cảm hóa, như thế mới mong khiến được người dân họ hiều đường tà, chánh, mà tự hổ với lương tâm, để quay về đường thiện.

Theo sự khảo luận trên đây ta sẽ nhận thấy :

Phàm làm chính trị eó hiều thấu được lòng dân-chúng, mới mong tâm phục được dân, nếu không, dù người ta có đặt ra thiên hình, vạn chánh cũng chỉ khiến cho họ điện-phục đó mà thôi, không mong gì lòng thành đối với Quốc-Gia, với chính-phủ của họ. Ôi ! nước lấy dân làm gốc ! nhà lãnh-đạo chính-quyền lại chẳng lấy điều đó làm quan tâm ru ?

Xét hai chữ chánh-hình đây nó là cái pháp-chế, cấm-lệnh, hình-luật của một Quốc-Gia ; sở dĩ người ta phải đặt nó ra để quy-phục dân chúng, chứng giới nhân-tâm, nếu kẻ bất tuân sẽ lấy nó để trị tội.

Xét như thế tuy nó cũng có tinh-cách « chừng ác, khuyến thiện », nhưng kết cục nó chỉ là tạm thời, không phải là kế trường-cửu ; vì nó chỉ khiến được ngoài mặt người dân phải sợ cái oai quyền của pháp-luật trong nhất thời, mà diện phục đó thôi, kỳ thực trong thâm-tâm họ vẫn ngầm nuôi mầm ác.

Đó là bởi có sao ? bởi người dân họ có được giáo hóa gì đâu ? họ có hiểu cái tư cách của con người là thế nào ? cái nghĩa-vụ của công dân là thế nào ? mà bảo họ cải tà quy-chánh ! « No ấm rồi phải dạy dỗ » Đó vốn là cái đức chánh của phu tử. Xét vậy thì cái chính hình đó ! đít sao được mầm ác mà đắt được dân vào con đường thiện ?

Đây tôi xin đặt một lý-dụ : Nay nếu có một Quốc-Gia dân cõi còn lạc-hậu, mà nhà lãnh đạo không lo gì đến sự khai hóa, nay đặt ra chính-lệnh nõ, mai đặt ra hình-luật kia, để bắt buộc dân chúng gắng bước trên đường văn-minh, Như vậy; hỏi nó có hy vọng gì không ? khác nào bắt kẻ « chèo cây mò cá ». ?

Trên vú-trụ khắp nơi xương máu, trong ngực tù đầy kẻ tội lỗi, đó chẳng là cái chánh sách vụng-về của nhà lãnh đạo đó sao ?

Thực vậy, một dân tộc bước sao được lên con đường tiến hóa, nếu không được qua một nền giáo-dục ?

Một Quốc-Gia xưa nay văn minh, hùng cường, hay phải lạc hậu. suy vong, đó đều là do ở nhà lãnh đạo cả, nếu không-khéo ra thì dân được no ấm vê-vang, nếu vụng-về thì dân phải đối rét cực-nhục. Xem như ông Đặng-Văn-Công hỏi việc trị nước ông Mạnh-Tử trả lời rằng : « Điều cần nhất nhà vua phải chăm chỉ về việc muu-sinh cho dân, phàm làm người dân : thân có được no ấm, bụng mới có lòng tốt, mà nếu không có lòng tốt tất sinh ra càn bậy không còn từ việc gì là không làm. Vậy đến khi người dân đã mắc vào tội lỗi rồi nhà vua mới đem luật ra trị tội. như thế ! có khác gì nhà vua đánh lười người dân đó không ? Một ông vua nhân đức đâu nỡ lừa dối người dân như vậy ? cho nên các

bậc hiền quan xưa nay không bao giờ là không lấy lẽ nghĩa làm căn bản mà đem lòng cung kính và đức cần kiệm làm kế trị dân.

Xét vậy, thì cái chính hình chỉ là đầy sự ác-nghiệt. Đã dành một quốc gia phải có một hiến-pháp để làm kế trị bình, nhưng nếu người ta chỉ quá thiên về nó, mà không chú trọng đến lẽ nghĩa, giáo hóa làm căn-bản, thì đó chỉ là biết bắt tội người dân mà không biết hóa-đức cho người dân. Như vậy! đâu phải là con đường dắt dân vào nơi chí-thiện?

Ấy cái công dụng của chánh-hình trong phép trị-dân nó chỉ là một cái kế bắt-đắc-dĩ! Vậy đúng về phương-diện nhân-đạo mà xét: nó chỉ là bá-đạo, không phải là vương-đạo vậy. Còn như hai chữ: đức-lẽ đây, trái lại nó đối với đạo trị dân lại có một sức thần diệu không ngờ, nếu nhà chánh-trị biết dùng nó!

« đức » nghĩa là gì? nó tức là tấm lòng nhân-đạo của người ta, nó chính là cái mầm thịnh hay suy, hưng hay

vong của một nhà hay một nước, ta thường nói: « đức già bán già », nó là nghĩa thế!

« Lẽ » nghĩa là gì? nó tức là cái thứ-bực tôn-tý của nhân-quần, giới-hạn đẳng-cấp của xã-hội. Theo như trong kinh: « đối với thiên-lý nó có nghĩa là vău-hoa, tiết-độ của giờ;lđất, đối với nhân-sự nó có nghĩa là uy-nghi, phép-tắc của con người ». Nó tức là mầm chẽ-loan, hương-trí ở trong thiên-hạ; Nói tóm lại cái phẩm giá của nó: dù từ một người, một nhà cho đến một nước, nếu không có nó sẽ không thành vật gì cả. Ta thường nói « phi lẽ bất thành » nó là nghĩa thế!

Ấy cái công dụng của « đức-lẽ » nó có quan-hệ mật-thiết với nhân-quần, xã-hội như thế! cho nên đúng Tiên-vương ngày xưa mới đem ra làm kế bình trị thiên-hạ, dân đói rét thì lo sinh-công, kế-lợi cho dân no-ấm, dân ngu dốt thì lo dậy-dỗ khai-hóa cho dân khôn-ngoan. Vậy hỏi như thế thi Tiên-Vương làm gì mà chả dắt được dân vào con đường chí-Thiện? Vì vậy cho nên những thời-đại ấy thiên-hạ mới được thái-bình, mà

dân-chúng mới thoát khỏi nỗi
lầm-than biến-loạn.

Nhưng dù vậy tại sao Tiên-
Vương lại cần phải sự giáo-
hóa ?

Cha mẹ sinh con giới sinh
tinh. Nhận xét : người ta sinh
ra dù ai-ai cũng có tai-mắt
thông-minh, tinh-tinh lương-
thiện cả, nhưng hiềm vì cái
bản-chất của con người nó có
kẻ hậu, người bạc, hơ-kém
khác nhau, không thè nào
nhất-luật như nhau. Vì vậy
Tiên-Vương mới đặt ra lê-
nghĩa làm khuôn-mẫu giáo-
hóa cho người dân noi theo.¹⁴
Khiến ta biết con đường ác
mà tránh, con đường thiện
mà đi, ấy con người mà sở-
dĩ được khôn-thiêng hơn
muôn vật cũng là nhờ bởi đó !
Xét như vậy, thì cái công-hiệu
của hai chữ « đức-lẽ » nó chả
là thần-diệu đó du ? Nếu chúng
ta đều hiểu nó cả, còn cần gì
đến hình với chính ?

Vậy tóm lại cả hai vấn đề
« chánh hình » và « đức-lẽ »
trên đây mà xét : thì ta nhận
thấy nó đối với Quốc-Gia tuy
cùng là mặt thiết cả, nhưng
kết-cục nó có quan-hệ khác
nhau, là ở chỗ : một dǎng là

diện-phục và một dǎng là tâm
phục, cho nên luận đến đạo
trị dân thánh-nhân đã có câu :
« trước dùng uy, sau phải
dùng đức », cái uy nó chỉ là
cái ngọn mà cái đức nó tức
là cái gốc. Vậy nhà làm chính-
trị há lại chẳng cân-nhắc mà
điều-hòa lấy nó chẳng ? Há
lại dùng ngọn bỏ gốc mà
mong nó thành được công-
quả đó chẳng ?

Đây tôi lại xin đặt một tỵ
du : Nay một chánh-sách
chuyên sự tàn-bạo, khủng bố
để bắt dân quy-theo, với một
chính-sách đem một lòng nhân-
đức cảm-hoa, để khiến dân
quy-phục, thì ta sẽ hỏi tự lòng
ta nó sẽ hướng theo dǎng
nào ?

Than ôi ! Sinh trong khoảng
giời đất này ai lại không
muốn ưa nhẹ ? Muốn ưa nặng
họa chỉ có ngu-dốt như thân
con lừa !

Vậy để kết bài khảo-luận
trên đây tôi trộm nghĩ Thánh
nhân sở-dĩ hiều-thấu được
tâm-ý người dân như vậy, cho
nên mới xướng ra cái thuyết
(làm chánh lấy đức) để làm
gương cho hậu-thế, nhưng chỉ
tiếc rằng dù xưa nay cũng

vậy, phần nhiều nhà cầm rằng nhà cầm quyền-chinh
quyền chánh chỉ ham-chuộng trong Quốc-Gia ngày nay, chú-
cái uy mà coi khinh cái trọng đến nó! Thì thật là xây
đức, nhất là thời-đại thế-giới cho đồng-bào một nền hạnh-
nguyên-tử này. Ôn lại chuyện
cũ để làm việc mới, mong

CHU HẬU



Phụ-trương bằng chữ Pháp

Supplément en Français

NAPOLEON ET LES
SAVANTS DE MILAN

NÃ-PHÁ-LUÂN VỚI CÁC NHÀ
BÁC-HỌC Ở MILAN

Đọc bài sau đây, các bạn
sẽ thấy các nhà Khoa học
Mỹ-thuật được biết đến biết
chừng nào?

Au citoyen ORIANI,

Kính gửi ông ORIANI

Les sciences qui honorent l'esprit humain, les arts qui embellissent la vie et transmettent les grandes actions à la postérité, doivent être spécialement honorés dans les Gouvernements libres. Tous les hommes de génie, et tous ceux qui ont obtenu un rang dans la République des lettres sont frères quelque soit le pays qui les ait vus naître.

Les savants dans Milan ne jouissaient pas de la considération qu'ils devaient avoir.

Retirés dans le fond de leurs laboratoires, ils s'estimaient heureux que les rois et les prêtres voulussent bien ne pas

Khoa-học trang sức cho nhân trí, mỹ-thuật tô điểm cho nhân-thể, và lưu lại cho đời sau những công-cuộc hữu-ích cho nền thịnh-vượng chung. Ở các nước tự-do Khoa-học và Mỹ-thuật, đã được đặc-biệt tôn-trọng. Vậy tất cả các bậc nhân-tài có địa-vị trong văn-giới, bất luận sinh quán ở xứ nào, đều là anh em với nhau cả.

Thế mà, bao lâu nay, các nhà Bác-học ở Milan, chưa được người đời trọng dãi xứng với địa-vị của mình. Ân-dát trong các phòng thí-nghiệm, những vì đó chỉ mong sao các vị vua chúa, và các thày

leur faire du mal. Il n'en est pas ainsi aujourd'hui : la pensée est devenue libre en Italie; Il n'y a plus ni inquisition, ni intolérance, ni despotisme. J'invite les savants à se réunir et à me proposer leurs vues sur les moyens qu'il y aurait à prendre, ou les besoins qu'ils auraient pour donner aux sciences et aux beaux-arts une nouvelle vie et une nouvelle existence Tous ceux qui voudront aller en France seront accueillis avec distinction par le Gouvernement.

Le peuple français ajoute plus de prix à l'acquisition d'un savant mathématicien, d'un peintre en réputation, d'un homme distingué, quel que soit l'état qu'il professe, que de la ville la plus riche et la plus abondante.

Soyez donc, citoyen, l'organe de mes sentiments auprès des savants distingués qui se trouvent dans le Milanais.

NAPOLEON

tu sẽ không làm phiền, làm hại đến mình, là đã tự lấy làm thỏa mãn lắm rồi.

Ngày nay không thể nữa tư tưởng sẽ được tự-do phô diễn tại nước Ý. Không còn có sự khám xét bắt bớ và cũng không có sự cấm đoán nghiêm ngặt nữa.

Vậy tôi mời tất cả các nhà bác-học, sẽ cùng nhau đoàn-kết, và tỏ rõ cho tôi được biết những ý kiến về mọi phương pháp hành-dộng, cùng những sự cần thiết, bồ ích cho khoa-học, cho kỹ thuật ngõ hầu xây dựng một cuộc đời mới, một cảnh Tân-sinh hoạt. Các vị nào muốn qua thăm nước Pháp sẽ được Chính-Phủ đặc biệt tiếp đón

Toàn-Dân đương khát khao muốn được một nhà Bác-học về Toán, hay về khoa-học có danh tiếng, nghĩa là một bậc vĩ-nhân bất cứ là người theo về ý tưởng nào; hơn là chiếm được một thành phố rất giàu có, và rất phồn thịnh.

Mong Tiên-sinh sẽ là cơ quan chuyên dat, những tình cảm của toàn dân Pháp đối với các nhà Bác-học trứ-danh hiện đương ở quanh vùng Milan này. Thành-Khiết dịch

Vie littéraire de Tam-Nguyên Nguyén-Khuyén

Tam - Nguyén - Nguyén - Khuyén, (1er lauréat des concours littéraires; originaire du village de Yên-Đồ, District de Bình-Lục, Province de Hanam) était descendant du 1er Ministre Quang-Luong-Hâu, de la dynastie des Lê et petit fils du Docteur es-lettres Nguyén-Mai.

Premier lauréat du concours trienonal de Nam-dịnh, Nguyén-Khuyén fut ensuite successivement reçu premier aux concours organisés au Palais impérial (Année Tân-Vi du Règne de Tu-Duc). Aussi les caractères (Tam-Nguyén premier des trois concours successifs) furent-ils inscrits sur les étendards de procession triomphale qui le ramena au village natal.

Nguyén-Khuyén qui débuta dans la carrière mandarinale à la suite des succès universitaires, était versé dans l'art militaire comme dans les lettres. Son patriotisme et son affection pour le peuple se manifestaient dès son jeune âge, ce qui explique les hautes vertus dont il avait cons-

tamment fait preuve en temps de paix comme dans les périodes de trouble. Les générations ultérieures le vénèrent et ses devanciers mêmes avaient pour lui une admiration sympathique. L'Empereur Tu-Duc lui a dédié la sentence parallèle ci-après qui figure encore aujourd'hui, sur son autel de famille :

« Thịnh - dúc, mậu công
truyền chi, bách thê;

« Thần trung, tử hiếu, duy
thứ nhất tâm. » qui signifie :

« Piété filiale, loyauté du sujet qualités constantes de son cœur : « Hautes vertus, éminents services, exemples ineffaçables pour des siècles ».

Préférant de sa vieillesse, il demanda sa retraite qu'il passait dans le paisible milieu familial. Il se préoccupait de son jardin, menait une vie contemplative et s'adonnait à la littérature, en se remémorant les vicissitudes de son passé mouvementé.

Il a composé des vers en caractères chinois et en langue nationale. Nombre de ses poésies sont d'une inspiration

spontanée, mais révélant une grande profondeur de pensée. L'ancienne revue Nam Phong dit que : « Si la Cour royale eut organisé un concours de littérature en langue nationale, il aurait été reçu 1er. »

Nous nous proposons de reproduire au fur et à mesure ses œuvres, soit en langue nationale, soit en langue chinoise avec traduction en langue nationale.

Nous nous essayerons également d'en donner une interprétation française, espérant apporter une très modeste

contribution à notre culture littéraire :

« En temps de troubles, constatant qu'il était impossible de remédier à la situation du pays et que ses collègues avaient sacrifié leur vie, il a demandé sa retraite pour se consacrer à la vie familiale. Un haut dignitaire qui appréciait sa renommée et connaissait ses talents, l'exhorta à reprendre ses fonctions mandarinales mais Nguyén-Khuyén refusa catégoriquement d'acquiescer, et lui adressa ces vers, en prenant pour sujet une veuve qui ne consent plus à se remarier.

Réponse de la Veuve

Ne savez-vous pas que je suis une veuve,

Manquant d'appui et manquant aussi de nécessaire ?

Une entremetteuse faisait preuve de commisération,

M'engageant à me remarier avec un jouvenceau.

Le jeune homme est en pleine vigueur.

Mais moi, pauvre vieille, ne conservant pas assez de force,

Comment pourrai-je le contenir ?

La joie de l'hymen dans ces conditions pourrait-elle durer ?

L'idée du mariage ne saurait me réjouir,

Pendant que n'arrive pas à surmonter ma misère.

Que j'ai honte en me rappelant ce que m'ont enseigné mes parents :

Un couple mal assorti s'expose aux risées.

Madame l'entremetteuse, votre compassion est bonne,

Mais le procédé n'est pas
recommandable.

Quant au mariage, je n'y
peux songer.

Si vous me plaignez, prêtez-
moi donc des habits et du riz,

(Voir le texte en Quôc-Ngu
à la page.....)

Traduction de MÈ GIÀO-MINH



Les MUÒNG et les THÒ

Leurs moeurs et coutumes

Les MUÒNG ou THÒ se rattachent au groupe THÁI : Leur race a contribué à la formation de la race Viêtnamienne. Leur organisation politique, féodale, se rapproche de celle des THÁI et des anciens Viêtnamienes. Chaque commune constitue un fief, une Seigneurie héréditaire dont le chef a le titre de Quan-Lang « Bon Maitre ». Celui-ci est le « Maitre de la terre » (Thò thùra) tandis que les habitants ne sont que des serviteurs attachés à la glèbe ; il existe parfois d'autres propriétaires, , constituant des fief-servants. Le Quan-Lang distribue seul les terres de son fief, prélève les impôts en espèces et en nature, lève la corvée et la milice Il est seul à connaître le caractère chinois et sa charge est héréditaire Les MUÒNG vivent, le long de la rivière noire, dans le delta Tonkinois et dans la province de Thanh-Hóa. Ils se distinguent facilement des Annamites par

des yeux non mongoloïdes. Ce sont des Indonésiens.

Le costume : L'homme s'est vêtu d'un pantalon et d'une blouse qui reste au-dessus du genou. Le costume est tissé par les indigènes et teint en Cù-nâu ; mais les gens de condition emploient parfois une toile noire. Les cheveux sont portés en chignon et un turban bleu enserre la tête. A la ceinture, le MUÒNG place un coupe-coupe ceintré enfermé dans un farreau en bois. Le costume de la femme a des variantes, selon les districts. Il se compose d'une sorte de large fourreau formant jupe, de couleur bleue ou marron (dans le S. E), avec, aux extrémités, de hautes broderies ou des bandes aux couleurs voyantes ; une longue échape retient la jupe à la ceinture et à la poitrine ; par-dessus, une petite veste (áo lót) boutonnée sur les épaules. Sur les cheveux roulés en chignon, un voile de cotonnade bleu, plié, est rejeté en arrière. Les boucles d'oreilles, en argent, afflètent la forme d'un S

L'HABITATION : La maison est conçue sur le plan général adopté par les peuplades indonésiennes : la case est élevée de 1m50 à 2m et plus, au-dessus du sol pour protéger, les habitants contre l'humidité ; le rez de chaussée est laissé comme abris au bétail. On aboutit à l'habitation par un escalier, fixé au palier qui précède des diverses chambres

L'ACTIVITE : Les MUONG sédentaires, irriguent les rizières situées dans les vallées, mais ne font qu'une récolte, celle du dixième mois. Les femmes travaillent aux champs, ou tissent une toile de coton. Les hommes vont à la pêche et surtout à la chasse, soit au filet, soit à l'arbalète. Les fêtes religieuses et les croyances des indonesiens sont naturo-annamites ; Ils ont la crainte des esprits et cherchent à se concilier leurs mouvements. Les devins et exorcieux (Thay-Mo) tiennent une place importante dans la vie paysanne de ce peuple. Le culte aux esprits des ancêtres est en honneur dans les familles. Chaque commune a son temple. Les villages voisins du Tan-

Vién sont voués à l'esprit du SAINT MONT.

LES FUNÉRAILLES : Le cadavre est préalablement lavé à l'eau chaude. On l'habille, puis on met une pièce de monnaie dans sa bouche. Toute la famille entoure le corps ; le lorcier, mitre en tête se place aux pieds et récite des formules et fait des invocations. Quelquefois, les buffles, les chevaux, les boeufs du défunt sont amenés pour assister à la cérémonie de l'exorcisme. On enferme le corps dans un grand arbre évidé et scié dans le sens de la longueur. La bière est percée d'un trou dans lequel on fixe un long bambou creux dont l'extrémité supérieur émerge au-dessus du toit de la maison. C'est par cette cheminée que les gaz s'échappent du cercueil, permettant à la famille de demeurer dans la pièce sans être incommodée. Dans certaines tribus le corps, sommairement embauillé, est ainsi conservé pendant des mois. Pendant trois jours le Thay-mo renouvelle les cérémonies d'exorcisme et d'offrandes aux genies. Lorsque le cortège se forme pour ga-

ner la sépulture, le sorcier demande à l'âme de défunt de ne pas tourmenter les vivants et au génie de la terre de la garder en paix.

TRADUCTION

Chant des souhaits adressés aux époux Thô de

Lang-Son et Cao-Bâng

— Je suis venu pour former le couple par le mariage.

— (les mariés) vont saluer l'autel des ancêtres pour avoir le bonheur et la paix.

— Le père et la mère, tous les deux sont très heureux

— Ils sont sûrs (que les mariés) les entretiendront dans leur vieillesse et qu'ils offriront à l'autel du feu et de l'encens

— Je vous souhaite ceci qui sera réalisé.

— ce souhait prononcé sera digne de votre argent.

— A partir de maintenant, vous produirez toujours dans

votre travail.

— Vous acheterez, vous vendrez, toujours avec avantages.

— Vous aurez du paddy, de l'argent, avec en plus de l'étoffe et de la soie.

— Vous aurez de belles maisons au toit de tuiles et aux murs en briques.

— Vous aurez des garçons excellents en lettres,

— Vous aurez des filles dignes des immortelles.

— Je vous souhaite à tous les deux de rester unis pendant mille années

— Vous vivrez aussi longtemps que Bành-Tô jusqu'à huit-cents ans.

— Tous ces souhaits! Vous les aurez réalisés.

— Vous aurez du renom; le monde le transmettra.

Extrait du Recueil des
chants de mariage THÔ)
Biêt-Lam



PENSÉES D'ORIENT ET
D'OCCIDENT

1^o) Tel père, tel fils; tel maître, tel valet.

2^o) En mangeant les fruits, on pense à celui qui a planté l'arbre.

3^o) Les vertus commandent tout.

4^o) La richesse attire les amis, la pauvreté les éloigne.

5^o) Un vers rend mauvais tout le bouillon.

6^o) Le malheur n'arrive jamais seul.

7^o) Bon parleur, mauvais cœur.

8^o) La vérité excite souvent des vexations.

9^o) Qui rit aujourd'hui, pleura demain.

10^o) Pas de fumée, sans feu

11^o) Trop parler n'vit.

12^o) Coucher la lune au fond de la mer.

13^o) Mettre le baton dans la roue.

14^o) Bonté vaut mieux que beauté.

SỰ GẶP GỖ CỦA ĐÔNG, TÂY
TU-TUỞNG

Cha nào con ấy,
Thầy nào, tớ ấy.

Ăn quả, nhớ kẻ giồng cây

Đức giả bẩn dã. (Đức là căn bản của mọi việc).

Giàu sơn lâm, lăm kẽ tim đến,
khó dừa chợ chằng kẻ nào nom

Con sâu bỗ rầu nồi canh.

Họa vô đơn chí.

Khẩu phật, tâm xà. cũng
nghĩa là : (Miêng ngoài thør
thót nói cười, mà trong nham
hiểm giết người không gươm).
Sự thật mất lòng.

Cười người chó có cười lâu,
Cười người hôm trước hôm
sau người cười.

Không có lửa, sao có khói. Ý
nói : (Thế gian chẳng ít thi
nhieu, Không dung ai có đặt
điều cho ai !

Ngôn da, tất thất. (Nói lầm
sinh nhảm).

Mò giăng dây biền.

Thọc gậy vào bánh xe.

Cái nết đánh chết cái đẹp.

PHAN SỬ - KÝ

ME CON MỘT NHÀ, TIẾNG THƠM MUÔN THỦA

NGÔ-LẬP-CHI

Giáo-sư Văn-Khoa Đại-Học

Nguyễn-Cao, (con Cụ Cử-Nhân Nguyễn-Hành) người làng Cách-Bị, Huyện Quế-Lương, (Bắc-Ninh) đỗ thủ-khoa, năm Tự-Đức thứ 17, (1867) sơ bồ Tri-Huyện, làm quan rất nhân-tù, sau giữ chức Tân-Lý quân-vụ Bắc-Kỳ, cầm cự với người Pháp (1885). Sau khi nước ta cùng với nước Pháp giảng hòa, ông nghỉ quan về nhà dạy học. Có kẻ mật báo ông có ý khởi nghĩa, liền bị bắt, ông giấu sẵn một con dao con ở trong thắt lưng. Khi giải về đồn, người Pháp khuyên dù ông hàng, ông quắc mắt nói:

« Việc làm của ta sáng-sủa như mặt trời, mặt trăng, nay các người xem can tràng của ta thế này, hàng làm sao được? Nói vừa rút lời, đã thấy ông lấy tay lôi ruột

ra ngoài, rái hàng thước, máu chảy lênh láng. Người Pháp kinh ngạc, liền cho băng bó, ông rút mõi chỉ buộc mà chết

Thân-Sỹ thời ấy có câu đố khóc ông như sau:

« *Thê tâm thiên địa phi trường bạch,*

« *Thiết sỉ giang sơn thỏ thiết hồng.*

Dịch :

« *Thê cùng trời đất phơi gan trắng;*

« *Nguyễn với non sông nhuộm máu hồng.*

Nói đến tiêu-sử của ông, ta cũng không nên bỏ qua tiêu-sử bà thân mẫu ông:

Bà thân mẫu ông, (chưa rõ họ tên) là vợ lẽ Cụ Cử Hành, một hôm bà đi qua quãng đồng vắng, bị một kẻ cướp

hở bóp vú, (chính là người trước đã hỏi bà làm vợ, nhưng bị cự tuyệt). Truyện ấy xảy ra ở một quãng đường vắng, không một ai trông thấy, đến ba năm sau, gặp ngày giỗ hết tang chồng, họ hàng đến đông đủ, bà liền bày tỏ : Vì trước đứa con thơ này hãy còn măng sữa, nên phải ần-nhân, nay nó đã ăn được cơm, xin nhờ nhà chồng trông nom ; bà xin chết theo chồng, để rửa một cái nhục lớn : Nói xong, liền đến trước bàn thờ

chồng, khẩu-vái lầm dầm, bỗng thấy bà nằm vật xuống đất, và thấy hai vú đã cắt, quăng ra đấy. Bà chết liền, không ai kịp cứu chữa.

Ghê gớm thay ! Tấm lòng trinh-liệt của bà. Mẹ liệt-nữ, con trung-thần, có mẹ ấy, thì phải có con ấy. Thực là : Nhất môn mẫu tử, vạn cổ anh phong. « Mẹ con một nhà, tiếng thơm muôn thủa ».

Viết ngày 25 tháng 4 năm 1954
Cử-nhân Ngô-LẬP-CHÍ



Dịch bài hịch các Tì-Tướng

(của Đức Trần-Hưng-Đạo)



Ta nghe, Ký-Tín, truyện xưa, (1)
Thay mình Cao-Đế, cứu vua khỏi nàn.
Sở Đô-Vu liều thân dở giáo, (2)
Thờ Chiệu-Vương chọn đạo trung-quân.
Rửa thù; Dự-Nhượng nuốt than, (3)
Chặt tay Thân-Khoái, vì dân quên mình. (4)
Đường Kính-Đức, tiêu-sinh một gã, (5)
Cứu vua Đường, khỏi họa Vương-Quân.
Cảo-Khanh, một kẻ viễn-thần, (6)
Hay câu mắng giặc, không hàng Lộc-San.
Ấy nghĩa-sĩ trung-thần thủa trước!
Đời nào không vì nước quên mình?
Vì theo nhi-nữ thường tình.
Khur-khur só cửa, uồng sinh một đời!
Sao được tiếng anh-tài dễ lại?
Với đất giờ, còn mãi, danh, thơm.
Các người vốn ở tướng-môn,
Văn còn ít học, nghĩa còn chưa hay.
Nghe ta kể trên đây những chuyện;
Lòng phán-vân bán-tín, bán-nghi.
Việc xưa áu chặng kể chi;
Truyện đời Tống, Thất, hãy nghe cho tường. (7)
Tống Công-Kiên, can-trường sao nhỉ? (8)
Tỷ-tướng-Lập, chí-khi lại sao?
Điều-Ngư con-côn thành-hào,
Quân Mông trăm vạn khôn vào được trong.
Cứu dân Tống, qua vòng khói-lửa,
Khiến sinh-linh ơn-nhớ đến nay.
Ngột-Lang lại kể sao đây. (9)
Với tỷ-tướng xích người này thế nao?
Đường muôn dặm ra-vào sương-gió,

Dẹp chiểu-quân khoảng có mấy tuần. (10)

Khiến cho dạng-dõi Thát-Nhán,
Anh-hùng nổi tiếng quân-thần bấy-lâu.

Huống ta nay cùng nhau buỗi loạn,
Sống trong vòng hoạn-nạn gian-lao.

Thẹn trông tặc-sứ ra vào,
Vênh-vang lối dọc, ồn-ào đùòng ngang.

Đo tặc lưỡi múa-mang cú, quạ,
Dương mỏ-đầu lăng-mạ trăm quan.

Chó, dê một thước thân tàn,
Tướng, Khanh cũng ngạo, Tề-Thần cũng khinh.

Nay cậy thế Mông-dinh hạch-sách, (11)
Ngọc, lụa đồi, vét sạch túi tham.

Mai nhò danh-hiệu Vân-Nam, (12)
Bạc-vàng thu-nhặt, kho-tàng không-hư.

Khác gì thịt ném cho hổ đói ?
Và sau này thoát-khỏi, được chăng ?

Khiến ta quên ngủ, quên ăn,
Lệ tràn dưới mép, giáo đâm trong lòng.

Chưa nuốt thịt, nǎm, lông quân gấu, (13)
Còn thèm gan, khát máu kẻ thù.

Thân này dù bón cỏ bờ,
Thây này da ngựa bọc-nhò cũng cam. (14)

Chư-Tướng hối bao năm dưới trướng,
Việc binh-nhung quyền trướng trong tay.

Không áo, có áo ta may,
Không ăn, có gạo lương ngày phát ăn.

Kẻ hám thấp, thăng quan, tiến-chức;
Người bỗng nghèo, cấp lộc tăng lương.

Thủy quân chu cấp thuyền dương,
Lục-quân chu cấp yên, cương thiếu gì ?

Xây nhà nước gấp khi biến-cố,
Dù tử-sinh, lao khổ có nhau,

Hãy khi yến thưởng, tiệc khao,

Thầy trò chung hướng, cùng nhau vui-cười.
So Công-Ngột hai người trước đó !
Niềm ái-ân nay có kém đâu ?
Các người sao nỡ cùng nhau ?
Ngồi nhìn chủ nhục, chẳng đau chút lòng !
Sinh trong buổi hẹn-thùng vận nước.
Chẳng hổ mình nho-nhuốc tấm thân.
Đường-dường một vị tướng-thần,
Đang tám luồn-cuốn trước quân mọi-mường.
Nghe quốc-nhạc, thết phường tắc sứ,
Nở mặt nào, niềm nở với ai ?
Kẻ thì gà chọi ham chơi,
Người thì lá bạc, quân bài say-mê.
Hoặc có kẻ ham nghề vườn-ruộng,
Nặng vì đường phụng-dưỡng mẹ cha.
Hay vì quyền-luyến thê-noa ; (15)
Đắp xây tư bản, tăng da ich mình.
Mải việc nhà coi khinh quốc-vụ,
Ham nghề săn, nhăng bỏ quân-cơ.
Hay vì chén rượu say sưa.
Não - nùng tiếng hát, màng-mơ sự lòng.
Nay hỏi có quân Mông kéo lại,
Áo giáp kia, gà chọi thủng chẳng ?
Mưu cao bài bạc ai bằng ?
Khôn đem thi-thố luận bàn quân-cơ.
Kẻ vườn ruộng dù cho phú-túc,
Thân nghìn vàng dễ thực được đâu ?
Vợ con bìu-diú bấy lâu,
Hỏi con quốc-biển đương đầu là ai ?
 Tay làm nên cửa giờ đâu khối,
Đầu giặc kia ! đánh đổi được chẳng ?
Mạnh đâu, cái sức chó săn ?
Mà sua đòn hổ. mà ngăn lũ sai.

Chén rượu ngọt nào say giặc-Hán ?
Bài ca tình, khôn ngần quân Ngô.
Thương thay ! lâm sự bấy giờ !
Một nhà siêng-xích thầy trò bỏ tay.
Công tôn, tổ ta xây đất nước.
Đè quân thù lấn bước, rẻ coi.
Mộ - phần tiên-tô các người ;
Trộn đảo cùng mặc tay ai sói cầy.
Chẳng một ta, kiếp này hổ-nhục,
Tiếng muôn đời, còn lục xứ xanh.
Các người cùng điểm gia-thanh, (16)
Nghìn thu bại-tướng, ô danh, hàng-thần !
Hỏi trong lúc cơ trắc nhường đó ?
Các người còn vui thú nữa thôi ?
Nay ta khuyên - nhủ mấy nhời :
Phòng câu « dám lửa », nhớ lời « sợ canh ». (17)
Luyện sĩ-tốt, tập-tành cung-thỉ.
Khiến người - người: Hậu - Nghệ, Bằng-Mông. (18)
Bêu đầu Chúa Liệt cửa công, (19)
Phơi thây giặc thát ngoài đồng mới yên. (20)
Chẳng những ấp ta truyều vạn-dại,
Lộc các người hưởng mãi chung-thân.
Riêng ai êm-ấm chiểu-chăn ?
Vợ-con vui cảnh trăm năm bạc đầu.
Người : tôn-miếu xuân-thâu phung-tự,
Kẻ : từ-đường tết-dõ phong-long.
Sinh này âu cũng thỏa lòng,
Thày-trò dạng-dõ, non sông lưu-truyền.
Há một ta tuổi-lên đè lại ?
Tiếng-tăm người cũng dài sử xanh.
Vui thay ! cái cảnh thanh-bình !
Anh-em há chẳng thỏa tình đó dư ?
Nay ta họp quân-cơ mọi chươn,

Soạn làm pho « yếu-lược binh-thư »

Kẻ hay luyện tập cần cù ;
Nghe lời giáo-huấn ; thày trò duyên xưa.
Nếu nhfrug kẻ khinh-sợ nhâng-bỏ,
Trái lời ta ấy nợ tiền-đhân (21)
Hồi sao thận nước, hờn dân ?
Rửa thù châng nhớ, trừ tàn châng lo ?
Việc quân-quốc thờ σ uổ thể !
Hạ giáo gươm hàng kẻ thù chung.
Bó tay về với quân Mông.
Nước non đê thụt tấm lòng mai sau. !
Ôi ! Mắt, mắt, mày, râu nào nứa ?
Còn đem thân đứng giữa đất giờ.
Thấu lòng ta hối các ngươi ?
Mượn ngòi hoa bút truyền bài hịch-văn.

Chú thích và giải gghìa : 1º)
Kỳ-Tín : Tướng nhà Hán. Khi Cao-Đế bị quân Sở vây tại thành Huỳah-đường, Tín xin cải trang giả làm nhà vua ra hàng quân Sở, tự hy-sinh mình để đánh lừa quân địch làm cho Cao đế được thoát vòng vây.

2) Do-Vũ : Bấy tôi nước Sở. Khi phải lánh nạn, Sở chiếu Vương một đêm ngủ ở nhà trọ bị bọn eướp đánh úp, một tên vác giáo đâm nhà vua, Do Vu với chìa lưng đỡ lấy ngọn giáo, cứu Chiêu-Vương được khỏi nạn

3) Dự-nhượng : bấy tôi Trí-bá, Trí-Bá bị Triệu Tương-Tử giết, muôn giả thù thảy Nhượng suôt than làm cho khàn tiếng và giả làm kẻ ăn mày đê lừa dịp giết Tương-Tử.

4) Chưa tường.

5) Uất-trí Kinh-Đức : Tướng nhà Đường, Khi Đường Thái-Tôn bị quân Vương-thề-Sung vây bắt, Kinh-Đức một mình che đỡ nhà vua cứu Thái Tôn ra khỏi mặt trận.

6) Nhan-cảo-Khanh : Bấy tôi nhà Đường, làm Thái thú

Thường-Châu, khi nghe An-Lộc-San nổi loạn, kéo quân về đánh Lộc-San, thua trận bị bắt, Lộc-San, dù hàng, nhưng Cao-Khang không nghe mà đem lời nhiếc mắng, nên bị chém chết. Viễn-thần : người bầy tôi ở nơi phương xa.

7) Tông: nước Tông bên Tàu Thất: nước sát-Thất tức là Mông-Cô.

8) Vương-Công-Kiền và Nguyễn Văn Lập: tướng nhà Tông Khi tràn thủ thành Điều-ngư là một thành rất nhỏ, bị tướng Mông-Cô là Mông-kha-Hàn, kéo đại binh sang đánh, thay trò Công Kiền cò thủ thành-trì, khiến quân Mông không hề được thành phái rút lui.

9) Ngột-Lang : Cott-ugai Ngột-Lang, cũng có sách chép là họ Đường, tướng nước Mông-cô, cùng ty tướng Xích-Tu-Tư đem quân sang đánh nước Nam-Chiêu (nay là phủ Đại-lý tỉnh Vâu-Nam Trung-Hao),

10) Chiêu-quân, quân nước Nam-chiêu.

11) Mông định: triều-dinh Mông-cô,

12) Vân-Nam vương túc là thê tử Thoát-Hoan.

13) (nǎm) lồng: Do nghĩa hai chữ hán-tự «tầm kì» ý nói lột da quân giặc để làm nệm nǎm, quân gầu: quân giặc. Thơ việt có câu «từ nay giặc gầu hết ăn giăng».

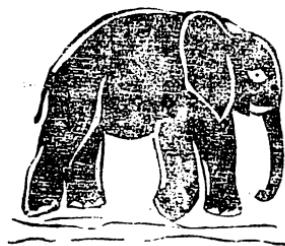
14) Da ngựa bọc thây: xưa Hán-Mã-Viện có câu: làm tài giai, vì non sông, đất nước mà bọc thây da ngựa ở nơi chiến trường thì mới là người anh-hùng.

15) Thê noa: vợ con.

16) Điểm gia-thanh: làm điểm-nhục tiếng tăm trong nhà.

17) dâm lừa: chữ nho, có câu: «thò hỏa tích tân» nghĩa là dâm lừa trong đồng cùi, có ý nói là sự nguy-hiểm, coi chừng, cũng vì như câu phương-ngôn lừa

- gắn rơm lâu ngày cũng bén» của cung bên Tầu đời xưa.
ta? Sợ cạnh thòi rau, xưa có 19) Chúa liệt: Hồ-Tắc-Liệt-
người, sợ canh nóng, thường túc là vua Thê-Tô Nhà Nguyên.
thòi cả rau người ý nói người 20) Giặc Thoát Thoát-hoan.
cần-mật. 21) Tiên-nhân: cái nọ-nần
1) Hậu-nghệ và Bàng - mông nhân-quả kiếp trước.
là hai người giỏi về nghệ bắn CHU-HẬU



Vịnh vua Quang-Trung với trận Đồng-Đa

(Câu đối và bài thơ sau đây của ông Đ. N.
đã trúng giải thưởng trong cuộc thi thơ ngày giỗ trận)

CÂU ĐỐI :

Vua Quang Trung quét sạch xâm lăng, đuổi giặc Bắc lui
về đất Bắc;

Trận Đồng Đa nêu cao khẩu hiệu, đòi nước Nam trả lại
người Nam.

ĐƯỜNG LUẬT :

Tây Sơn nhà Nguyễn có Quang Trung,
Tiêu diệt xâm lăng, giặc mệt lòng !
Thần-vũ phá tan quân Mân-tắc,
Đé-Đô dành lại đất Thăng-Long.
Nghìn thu hẹn nhỉ, đời Lê, Trịnh.
Muôn thủa vinh thay, giống Lạc Hồng.
Một trận Đồng - Đa đầy kỷ niệm,
Trời Nam còn mãi tiếng anh hùng.

VĨ KIỀU SAO LỤC.



KHẢO CỨU VỀ CÁ-TÍNH, PHONG TỤC, TẬP QUÁN CỦA Đồng bào Thiều số

tại các miền thương-du Bắc-Việt

Người Thái. — Người Thái thường phân biệt nhau bằng màu áo. Thái-đỏ và Thái-đen : Người Thái đỏ thường tự xưng là người Lào, và nói một thứ tiếng giống hệt như tiếng miền Louang Prabang. Trong một số dân là 57 ngàn người, 22 ngàn quy tụ tại xung quanh Sầm-Núra, trong tỉnh Hua-Phan. Theo sử-liệu, thì quê hương của người Thái đỏ là Trung-Tâm Ai-Lao. Vào khoảng Thế-kỷ thứ XII, chính người Thái đỏ từng gây sự tương tranh giữa họ và Nam-Triều về phần đất dai ở thung lũng sông Cửu-long. Đến năm 1827, quân Xiêm tràn vào Lào, tàn phá Vạn-Tượng, người Thái đỏ trải qua bao lần dâu biền. Nhưng từ Thế-kỷ thứ XIX, đến ngày người Pháp đặt nền bảo hộ Ai-Lao, người Thái đỏ lại bắt đầu nộp thuế cho Vua Lào. Ngày nay, trên bản đồ Đông - Dương, địa vị của tỉnh Hua-Phan, (Tiếng Lào nghĩa là nghìn dâu, vì chia ra nghìn mảnh) đã nhường cho những quận

huyện sáp nhập vào nền hành chánh Ai-Lao. Người Thái tản mạc khắp trong Hùa-Phan ở Sầm-Núra, chen chúc nhau trong những làng trù mật; phần đông là nhà sàn như kiểu nhà các giống Thái khác. Không hẻo lánh như các vùng Lai-Châu, Sơn-la, những làng Thái đỏ đông đảo với hàng 500 nóc nhà và mấy ngàn dân cư. Làng mạc thường ở những thung lũng thấp dưới 1. 000 thước, với những đồng ruộng phì nhiêu. Ngoài số ruộng ở đồng-bằng, người Thái đỏ cũng phá rừng, đốt cây. Họ là những tay trồng trọt giỏi, không kém gì người Trung-nam Việt. Duy người Thái đỏ không thiện nghề về thủ công, ít chuộng mỹ-thuật.

Nhạc khí của họ là cày « Khèn » một thứ sáo gốc tích ở Ai-Lao. Họ bị ảnh hưởng đời sống người Lào nhiều, nên cũng hay mơ mộng. Dân chúng Thái đỏ, phần đông học chữ Lào, và một số rất ít đã theo học trong các trường Trung-học Vạn-Tượng

Y phục của phụ-nữ Thái đỏ rất hoa lệ: Xiêm thêu màu, viền đen và xanh, thắt lưng nhiều sắc rực rỡ. Áo cánh của họ ngắn, diêm nhung, thêu dọc đỏ, cũng thắt chẽn lại bằng một hàng khuy như người Thái trắng.

Người Thái đỏ cũng thiêu người chết, và trong các cuộc tế lễ trời đất, họ thích giết trâu để ăn mừng. Họ cưới nhau dần tiện, được tự do kết hôn, nhưng rất nghiêm ngặt trong tội loạn luân. Đồ sành lỗ phần nhiều thách bằng trâu bò, gà, lợn, và nhất là rượu. Người Thái đỏ, chỉ đi làm cho vừa đủ để uống rượu, khi đủ tiền mua rượu, thì nghỉ việc làm ngay. Chừng nào hơi rượu hả, túi tiền cạn, họ lại uể oải đi làm, rồi ít lâu, có tiền lại nghỉ.

Người Thái đen và đời sống của họ. — Gọi là Thái đen, vì họ mặc áo đen. Người Thái đen quy tụ ở miền Thượng-du Bắc-Việt, xung quanh Hà-Giang và Hoàng-Su-Phì, Bình-Lử-Phong-Thổ, Đà-Giang và hữu ngạn sông Hồng-Hà. Người Thái

đen ở từng khóm mít, gồm khoảng 30 nhà sàn, dựng trên núi. Khác với người Thái trắng, họ ở những quãng cao rộng. Vì thế tập tục họ cũng có khác ít nhiều. Cũng là người Thái, mà y phục mỗi nơi một khác, không giống nhau. Tại Hà-Giang, họ ăn mặc như đồng Thổ, chỉ khác là ống tay rộng như kiều Tầu. Nhưng ở Pác-Kha, họ lại ăn mặc giống hệt như người Mèo. Chỉ ở Phong - Thổ Sơn-La là phục sức của họ giống như các người Thái-Trắng. Phụ-Nữ-Thái đen vận áo hàng sâm sầm, đẽ họp với màu da ngăm ngăm của mình. Người Thái đen mờ màng và ủy-mị. Tuy vậy, ngược những giòng sông chảy xiết như thác họ là những tay chèo lái lành lợi và can đảm, từng khiến những thủy thủ ngoại-quốc ngạc nhiên.

Đời sống của người Thái đen được tổ chức theo một hệ thống giai cấp rất phong-kien. Người cầm đầu có đủ hai quyền lực; mạnh mẽ: Chính-trị và tôn-giáo,

Theo sự sưu-tầm, thì dân Thái đen là thần dân triều cổng trước kia của Mouong-Luông, (Louang-Prabang) và

xã-bộ, chính-trị, kiến trúc theo hình thức Ai-Lao. Người cầm đầu là chúa Mường, với các cấp dưới là Châv-Mường chia nhau quản nhiệm về mặt hành-chính và quân-sự. Sau, ảnh hưởng Ai-Lao tan di trước quyền thế của người Việt, dân Thái đen từ bỏ chế độ quan liêu cũ.

Người Thái thờ thồ-thần, ma xó. Quyền tế-lễ dành cho các vị chúa tề. Những người này hưởng mọi quyền lợi, cả quyền tế trời, cùng ma quỷ. Tổ tiên của họ là do trời chỉ định xuống cai trị các nơi. Còn những giai cấp khác thì này nở từ một nguồn gốc tầm thường, chỉ được làm dân. (Theo người Thái Đen thì dân thường là do trái dưa không lõi nứt ra, nên vẫn phải là trái dưa mãi mãi ughia là dân cày sống với đất) !

Trai gái Thái đen được tự do tìm bạn trăm năm, không bị ép uổng. Nhưng cố nhiên con cháu thường dân ! hì đừng hòng kết bạn với các công tử và tiểu-thơ quyền-quý.

Khi chết người Thái đen được hỏa táng, khác với người Thái Trắng chôn kề

tại thế. Trong đám tang mà, người Thái rất vui vẻ, không một tiếng khóc. Điều « khèn » thay cho lời ai điếu. Và xung quanh cỗ áo quan, trai gái tinh tú, hát xướng. Thường, thường thì 50 phần trăm các cuộc lương duyên được thực hiện, trong khi tiền chôn người mệnh bạc.

Người Mán cũng phân nhiều loại : Mán đeo tiền Mán cốc (Mán có sừng) Mán quần rắng, Mán quần cộc, Mán áo xanh, v... v... Trung tâm xứ Thái là Lai-Châu, nơi sinh sống của người Mán, là rừng núi cao nguyên Trần-Ninh.

Người Mán gốc rẽ người Thái cũng như người Mường nguồn-cội là Việt-Nam. Nhưng người Mán không nhận như thế. Lòng tự-ái và kiêu-hạnh khiến họ tin-tưởng có một nguồn gốc Vương giả. Họ thường tự xưng là Sơn tử tiếng Mán gọi là « kim-miều » — (người rừng núi) hoặc Long-khuyên diệt (cháu của chó hóa, rồng. Dùng danh hiệu này, họ đã vin theo truyền

thuyết sau đây : (Năm 528 trước kỷ nguyên Thiên-chúa một vị vua, cai trị lãnh thổ

Hoa-Nam, Trung-Hoa bị quân thù uy hiếp, trong cơn nguy biến, trước các thảm bại liên tiếp, nhà vua hứa thưởng quan tước, thưởng đất và gả công chúa cho kẻ nào lui được quân địch. Một con chó, đang đêm vào cắn dứt cổ tên chỉ huy loạn quân. Mất chủ tướng, loạn quân rút đi. Trọng lời đức vua buộc lòng chọn con chó có công làm Phò-Mã. Về việc thưởng đất, đức Vua cắt cho vợ chồng Phò-Mã những miền rừng núi.

Công chúa sinh hạ được 6 trai, 6 gái. Đó là thủy tổ người Mán. Sống trong rừng núi, ngày một sinh sôi nảy nở; họ kéo nhau Nam tiến.

Truyền thuyết này rất được người Mán tin tưởng và lấy làm vinh dự. Vin vào truyền thuyết ấy, phu nữ Mán thích vận phục sức sắc sỡ có vẫn như màu lông Khuyển. Và nhiều bộ lạc khác, người Mán mang đuôi phía sau, nên người ta gọi là Mán có đuôi. Theo các nhà nhân chủng học thì người Mán, trước kia phát nguyên từ thung lũng sông Dương-Tử, từng chiếm một vùng đất rộng gồm có

Hồ-Nam Hồ-Bắc, Qнннг-Tay và Khoái-Châu. Vào thế kỷ thứ XIII trước áp lực của quân Nguyên họ khởi sự Nam tiến tràn xuống vùng sơn cước Bắc-Việt. Cảnh hợp người, họ ở yên nơi đây. Bảo ở yên. nghĩa là họ không rời vùng thượng du, tựa trung họ vẫn lưu đội g, vì bản tình du mục săn cá. Nếu các sắc dân Âu, có người kiêng thịt heo, thịt bò, thì người Mán, vì quá tin tưởng ở truyền thuyết về nguồn cội, không bao giờ ăn thịt chó. Nếu có người nào ngoài bộ lạc mang thịt chó quẳng vào làng họ, lập tức cả làng dời đi nơi khác. Người Mán tình khi càng cường, bắt khuất. Ít khi họ hợp tác hay chịu mạnh lệnh của người khác giống giống. Nhưng trong giòng máu kiên cường của người Mán vẫn pha trộn ít nhiều ham thích thơ mộng. Người thanh niên Mán, thích hoạt động, săn bắn, nhưng vẫn không rời hững với những phút tiêu dao trước cảnh hùng vỹ, bao la của núi rừng, để cho hồn chìm trong say sưa của những câu hát hüê tình mộc mạc kèm theo điệu nhạc mê ly của các chiếc « khoèn ». Họ chuyên nghề nông tang và rất yêu mến màu, đất tổ công

khai phá. Hoa mǎu thu được ; trừ số dành để chi dụng, số thặng dư đó đem bán ra ngoài. Về công nghệ ngoài nghề dệt vải, người Mán còn làm được giấy bằng bột tre và các món nữ trang bằng bạc.

Họ thờ Thần đất nhưng cũng kính nề Phật và các vị Thần khác. Ở nhiều vùng sự tế tự, thờ phượng thường tượng như ta cùng tể đức Khổng Tử. Họ rất trọng vọng tổ tiên nên những ngôi mộ của ông bà cha mẹ đều được xây cất vững vàng tử tế.

Bình thường người Mán rất hiền lành dễ dãi, nhưng gặp cơn phẫn nộ, trở nên những tên quân cầm tử. Họ chế được nòng cu theo thời xưa và súng hỏa mai để săn bắn hoặc tự vệ. Hiện nay ở miền thượng du Bắc - Việt có độ 200 ngàn người Mán.

Người Mèo — Cùng giòng giỗi người mán, sở dĩ người ta đặt cho họ danh hiệu Mèo có lẽ vì họ lanh lẹ, leo leo thoăn thoắt trên các chỏm núi như mèo.

Thuộc dân tộc thiểu số Trung Hoa ở các miền Vân Nam Khoái Châu, họ bị dồn

về phương nam thâm nhập vùng thượng du Bắc - Việt giữa thế kỷ thứ 19. Đầu đầu họ cũng chọn các ngọn núi cao nhất để ở. Dân số Mèo ước lượng 40 ngàn người rải rác dọc biên thùy Hoa Việt. Trong số ấy, 20 ngàn cư trú phía trên sông Đà và sông Nhì.

Theo màu sắc của y phục thường dùng, người Mèo chia làm 4 loại : Mèo Do, Mèo trắng Mèo sọc rắn, Mèo sặc sỡ. Bầm tinh du mục, người Mèo vẫn sống lưu động như phần do đông các dân tộc thiểu số khác. Tinh họ cần mẫn, chuyên về canh nông ; trông (á phiếu) chăn nuôi. Đàn bà lo dệt vải để tự túc, và bán ra ngoài.

Đàn ông chế vũ khí để săn bắn. Cang cường, họ thích sống độc lập, cô tịch. Xóm làng của họ toàn nhà sàn và gồm lối mươi lóc nhà. Ở trên cao, khi hậu thường giá rét, nên người Mèo kém vệ-sinh, hay ốm đau. Điều này gây cho họ rất nhiều tai hại, nhất là về mùa đông, người Mèo thường bị chứng đau phổi sát hại.

Giai cấp phú-hào của họ, sống trong chế độ da thê của

thời phong kiến. Và tuy tính khi cǎng cường, họ vẫn không ưa chém giết, mà chỉ triệt để tự-vệ.

Về Tôn-giáo, họ thờ Lão-tử và các thần thánh khác. Dĩ nhiên ; họ rất sợ thần quyền và trọng tin ở quyền lực của các thầy phù-thủ-y, kiêm chức lang-y.

Người Mèo chôn xác chết như người Kinh, và tang lễ không cầu kỳ như người Mường ở Thanh-Hóá. Theo tục lệ, khi có người chết, làng mạc được báo tin bằng ba phát súng hỏa-mai, bắn trước nhà kẻ xấu số. Xác chết liệm với những bộ áo quần đẹp nhất, được quàn lại trong nhà 3 ngày. Áo không cài khuy, ngày để linh hồn siêu thoát dễ dàng. Mắt người chết phủ, miếng vải đắp. Có nơi người

ta cột chân một con chó và chuyền vào đầu giây buộc vào tay kẻ chết để chó đưa vong linh vào miền cực lạc. Nơi khác người ta cho bò liếm vào tay người ta thê, và đem con bò ấy giết đi. Có lẽ người ta nghĩ sống bằng nghề nông, chết nên có bò để cày ruộng ở bên kia thế giới. Ma chạy song, luôn trong một tháng tang gia ngày 2 buổi mang cơm ra để cúng ở mộ như cung phụng người sống. Mặc dù sùng kính vong nhân, người Mèo vẫn không thể lưu luyến mồ phần của thân nhân. Mỗi khi đất hết hoa màu cả bộ lạc dời đi mưu sinh phương khác là họ dành bỏ mồ mả lại. Cố nhiên đã ra đi khó lòng có dịp trở về thăm chỗ cũ.

Kỳ sau sẽ tiếp

THUẦN-PHONG



Danh-từ thường-thức
(tiếp theo tập I)

Bái biệt :	Chào ai mà đi nơi khác	Salut d'adieu
Bái kiến :	Tới thăm người trên	Faire visite à un supérieur
Bái niên :	Chào mừng nhau trong năm mới ;	Souhaiter une bonne année
Bái tiếp :	Chào mà đón mời	Recevoir en saluant
Bại hoại :	Tan nát	La destruction
Bại hưng :	Mất hết eả hứng thú	Perdre l'inspiration
Bại liệt :	Hỗn nát	Affaiblissement
Bại lộ :	Đề tiết lộ ra	Dévoiler
Bại sự :	Hỗn việc	Insuccès
Bại u do dự :	Thất-bại vì không cả quyết	Hésiter c'est se
Bại vong :	Thua mất	Perde [perdre]
Bại-ngoại chủ nghĩa :	Chủ-nghĩa phản đối người ngoại-quốc, hoặc cái gì thuộc về ngoại-quốc.	Xénophobie
Bại vong cách-mạng chủ nghĩa :	Chủ-nghĩa của những đảng Vô-sản chủ-chương đối đế-quốc chiến tranh thành nội chiến cách-mệnh để lật đổ chính-quyền đế-quốc. Quân đội ở mặt trận sẽ đào ngũ quay súng bắn vào giai cấp thống-trị trong nước và đình-chỉ ngay chiến tranh với nước ngoài.	Défaitisme révolutionnaire
Ban-bố :	Mở to rộng rãi	Promulguer, publier
Ban cấp :	Cho giúp	Fournir, secourir

Ban công-tác :	Ban chuyên làm một việc gì	Comité d'action
Ban chấp-hành :	Trong ban có các nhân viên cù ra giúp việc gì.	Comité d'exécutif
Ban chấp-hành phu-nữ cứu-quốc	Trong ban có các nhân viên đàn bà, con gái, cù ra giúp việc nước.	Comité d'exécutif de l'association féminine au secours national.
Ban công-tác chính trị :	Ban có nhiệm vụ về chính trị	Commission des missions politiques.
Ban hành ;	Ban phát ra một việc gì	Mettre en vigueur
Bán du mục :	Không hẳn ở chỗ nào, lang thang nay đây mai đó, không ở yên một chỗ.	
Bán đồ nhi phế :	Nửa đường mà bỏ	Abandonner à mi-chemin
Bán hậu :	Nửa sau	Seconde moitié
Bán khai :	Mở-mang được một nửa.	Demi civilisé
Bao la :	Rộng rãi	Vaste
Bao phong :	Khen và phong chức	Récompenser par une dignité
Bao quát :	Bao trùm cả	Englober
Bao thưởng :	Khen và cho thưởng	Récompenser
Bào ảnh :	Tầm bóng	Ombre et bulle
Bào dệ :	Em ruột	cadet utérin
Bào hốt :	Áo bào và cái hốt (áo chầu)	costume de la cour

Bảo-trach :	Áo xiêm và áo lót	Capote et chemise
Bảo-trù :	Lò bếp	Cuisine
Bảo-cô :	Nhà nuôi trẻ mồ-côi	Entretenir des orphelins
Bảo-cô-viện :	Nhà nuôi trẻ nghèo và mồ côi	Orphelinat
Bảo-củng :	Giữ chặt	Tenir ferme
Bảo-cử, bầu-cử :	Bầu người thay mặt	Elire
Bảo-chứng :	Làm chứng để bảo-lanh	Garantir
Bảo-chứng :	Giữ nòi giống	Préserver la race
Bảo-duưỡng :	Giữ mà nuôi	Entretenir
Bảo-hộ :	Bệnh vực, giúp đỡ	Protéger
Bảo-hộ nhân-quyền-hội :	Một đoàn-thề bệnh vực quyền lợi người đời	Ligue de droiti de l'homme)
Bảo-hiểm :	Giữ gìn sự nguy-hiem	Assurer
Bảo-hiểm công-tý :	Hội đóng tiền để được cứa giúp khi tai nạn	Compagnie d'assurance
Bảo-hiểm xã-hội :	Luật đặt ra để giúp đỡ thợ huyễn thất nghiệp hay bị tai nạn.	Loi de protection ouvrière
Bảo-hòa :	Giữ cái lành	Garantir la paix
Bảo-hóa :	Của báu	Trésor, bijoux
Bảo-hoàng :	Giữ gìn vua chúa,	monachiste
Bảo-linh :	Đảm bảo cho việc gì	Garantir)
Bảo-quyến :	Bà con quý báu	Noble famille
Bảo-thủ :	Giữ ý kiến cũ không bỏ	Conservateur
Bảo-tiến :	Bầu mà giới-thiệu ai	Présenter quelqu'un
Ban-hôn :	Cho cưới	Permettre de se marier
Ban-quản-trị	Ban trọng nom về sự hoạt-động của một số một hội nào.	Comité de gestion

Ban quản-thủ :	Ban trông coi giữ- tài vật.	gìn đồ-vật	Sservice de curatelle.
Ban thường- trực :	Ban có những người ứng trực luôn luôn	dè làm việc gì	Une permanence de service,
Ban thường-vụ tỉnh lỵ :	Ban ứng-trực dè thừa hành công việc của hàng tỉnh		Comité d'expédition des affaires provinciales.
Ban thường- vụ	Ban trông nom về công việc thường		Comité des affaires cou- rantes.
Bàn bạc :	Trao-dỗi ý-kiến		Se concerter, delibérer
Bàn giải :	Bàn cãi, giảng giải		Discuter, expliquer
Bàn giao :	dưa giao lại		Faire la remise du service Passer le service
Bàn hòa :	Điều định cho hòa hảo		Traité de la paix
Bàn hoàn :	Bối-rối, ngăn trở		Embarrassé
Bàn phiếm :	Bàn xét một cách vô căn-cứ		Discussion flottante
Bản lãnh :	Sở năng của người ta trong công việc gì		Talent
Bản năng :	Năng lực riêng của mình		Aptitude
Bản quyền :	Quyền hạn về sự xuất bản		Droit d'auteur
Bản sắc :	Vẻ riêng từng người một		Caractéristique
Bản thảo :	Bản viết chưa in thành sách		Manuscrit
Bản thể,	Phần chính của một		Substance
Bản chất :	vật gì		
Ban quản-trị hợp-tác-xã :	Ban trông nom về công-việc của một hội buôn chung		Comité d'administration coopérative <i>(kỳ sau sẽ tiếp)</i>

PHÁP-LUẬT THÔNG-DỤNG DANH-TỪ

(tiếp theo tập I)

Bạc phạt :	Amende
Bạc phạt dân sự :	Amende civile
Bạc phạt tô-thuế :	Amende fiscale
Bạc phạt hình sự :	Amende proportionnelle
Bản toàn sao án văn :	Expédition d'un jugement.
Bản trích sao văn án :	Extrait d'un jugement.
Bản án sao thi-hành :	Grosse d'un jugement.
Bản phu-thẩm dân biếu :	Jury (juré)
Bản văn :	Texte.
Bản văn lập pháp :	Texte législatif.
Bản văn lập quy :	Texte réglementaire.
Bán đứt đoạn mại :	Vente définitive.
Bãi bỏ :	Abroger.
Bất khả kháng lực :	Force majeure.
Bất chính phi pháp :	Illicite.
Bị cáo : (trước tòa đại hình)	Accusé.
Bè đảng bất lương :	Association des malfaiteurs.
Bảo đảm :	Caution.
Bị đơn ; bên bị :	Défendeur, (partie défenderesse)
Biệt lưu hình : (về thương-thẩm)	Rélegation.
Bảo thích :	Libération sous caution.
Bất động sản :	Immeuble.
Bất cẩn :	Imprudence.
Bất khả kiêm nhiệm :	Incompatibilité.
Bàng hệ :	Ligne collatérale.
Bị can (trước tòa tiều hình)	Accusé, inculpé
Bản thuyết minh :	Mémoire de défense.
Bảo hiểm :	Assurance.

Biệt tarn hình (về thương thảm) :	Rélegation.
Bồi thường tổn hại về danh sự :	Réparation civile (dommages et intérêts)
Bất bối (di chúc :	Révocation (d'un testament)
Bảo đảm bằng người :	Sûreté personnelle.
Bảo đảm bằng vật :	Sûreté réelle.
Bảo thị :	Notification.
Biên bản :	Procès verbal.
Biện lý :	Procureur de l'Etat.
Bị kháng :	Intimé (Appelant)
Bộ luật :	Code:
Bộ dân luật :	Code civil
Bộ thương luật :	Code de commerce.
Bộ hình sự tố-tụng luật : —	Code d'instruction criminelle.
Bộ luật tư pháp :	Code de justice.
Bộ dân sự tố-tụng-luật : —	Code de procédure civile.
Bộ luật lao động :	Code du travail.
Bộ hình luật :	Code pénal.
Bộ nông luật :	Code rural.

e

Cảnh sát thành phố :	Police urbaine.
Cảnh sát trưởng :	Commissaire de police.
Can cùu :	Inculpé (accusé, prévenu)
Cấm-cđ hình :	Detention.
Cấp thẩm :	Référé.
Cáo thị :	Affiche, aunouce.
Cáo trạng :	Acte d'accusation.
Cáo tri :	Notification, Signification.
Cáo ly :	Récusation, abstention.
Căn cước :	Identité.
Con bỏ hoang :	Enfant abandonné.
Con nuôi :	Enfant adoptif.

Con ngoại tình :	Enfant adultérin.
Con đích con dòng chánh :	Enfant du 1er lit.
Con dòng thứ :	Enfant du 2ème lit
Con loạn luân :	Enfant incestueux.
Con chính thức :	Enfant légitime.
Con tự sanh :	Enfant naturel.
Con vô thừa nhận :	Enfant non reconnu.
Cố ý đả thương tri mạng :	Coup et blessures mortels.
Công-chức :	Fonctionnaire public.
Công nhận, nhận thực :	Légaliser.
Công tố viện :	Ministère public.
Công lại công chúng :	Officiers publics et ministeriels
Cung khai :	Déposition.
Công nhiên minh bạch :	Exprès
Cưỡng bách di-duồng :	Hypothèques forcées.
Công-lý :	Justice.
Cự tuyệt chứng thư :	Protêt.
Cường đạo :	Vol qualifié

Ch

Chánh nhất	Premier président.
Chánh án	Président du tribunal
Chưởng lý	Procureur général.
Chinh hình	Peine principale.
Chánh phạm	Auteur principal.
Chứng thư hộ tịch	Acte de l'Etat civil.
Chứng thư thi thực	Acte certifié.
Chuyển dịch vô thường	Aliénation à titre onéreux
Chuyển dịch	Aliénation.
Chuyển dịch hữu thường :	Aliénation à titre gratuit
Chuẩn y :	Approuvé (Vu, vu et approuvé)

(*Kỳ sau sẽ tiếp*)

DANH-TỪ QUÂN-SỰ

(Tiếp theo tập, 1)

Binh gia :	Armée.
Binh hỏa .	Féau de guerre.
Binh kỷ :	Discipline militaire.
Binh khi sẵn sàng :	Être sous les armes.
Binh lính :	Soldats.
Binh lực :	Puissance militaire.
Binh lương :	Intendance militaire.
Binh nhất :	Soldat de première classe.
Binh nhì :	Soldat de deuxième Classe.
Binh phi :	Dépenses militaires.
Binh-phục ;	Uniforme.
Binh quyền :	Pouvoir militaire.
Binh-sỹ :	Militaire.
Binh sở :	Etablissement militaire.
Binh trang :	Equipement.
Binh độ :	Niveau.
Binh tĩnh ngoài mặt trận	Être ferme au feu.
Binh nước :	Bidon.
Binh độ vòng :	Courbe de niveau.
Binh tuyến giác :	Angle de tir.
Binh-trị :	Pacifier.
Binh thư :	Livre de guerre.
Binh vận :	Le sort des armes.
Binh xá :	Caernement.
Binh xưởng :	Arsenal.
Bỏ súng :	Abandonner ses armes.
Bỏ súng đầu hàng :	Déposer; rendre ses armes.
Bóc lon (lột lon)	Cassation.

Bóc lòn môt võ quan :	Casser un officier.
Bó binh :	Fantassin, Infanterie.
Bó chỉ-huy :	Le commandement.
Bó đội :	Troupe, (Colonne de route)
Bó đội bạn :	Troupe amie.
Bó đội chính-quy :	Troupe régulière.
Bó đội chủ lực :	Le gros de force.
Bó đội dù chiến :	Armée de campagne.
Bó đội địa phương :	Troupe régionale.
Bó đội đặc biệt :	Troupe dense.
Bó laru-dòng :	Troupe volante, troupe mobile.
Bó đội thao chiến :	Troupe d'élite.
Bó máy hành-chính quân-sự : -	Le gouvernement militaire.
Bó pháo binh :	Artillerie à pied.
Bó phận phát hỏa :	Allumeur, dispositif de feu.
Bó quân luật :	Code militaire.
Bó tuần tiễu :	Sentinelle.
Bó tư-lệnh :	Etat-Major.
Bó - tri :	Prendre position.
Bó-trí hỏa lực :	Disposer le système de feu.
Bó tham mưu của tướng tổng chỉ-huy : —	Etat-Major général, commandant en chef.
Bó xung :	Compléter.
Bó-xung hỏa lực :	Perfectionner le système de feu.
Bờ sông	Berge.
Bóc eháy :	S'enflammer.
Bóc dược :	Charge d'explosif,
Bóc lôi :	Explosif.
Bóc lôi mạnh :	Explosif à grande puissance.
Bóc lôi phá :	Explosif brisant.
Bóc phạt :	Exploder, Eclater
Bom nổ chậm :	Bombe à retardement.

Bồng súng chào :	Présenter les armes
Bom lửa :	Bombe incendière.
Buộc phải đỗ ;	Atterrissage forcé.
Bức - kích - pháo ;	Mortier,
Binh biền ;	Maquis.
Bố-trí chiến-dấu :	Dispositif de combat.
Bố-trí hành quân :	Dispositif de manoeuvre.
<i>e</i>	
Cá nhân chiến - đấu :	Combat individuel
Càn quét :	Opération de nettoyage.
Cảng :	Civière.
Cảnh giới :	Patrouille:
Canh phòng :	Monter la garde.
Canh phòng :	Faction — Faire la garde — Etre de garde,
Canh phòng gấp đôi :	Doubler la garde.
Cánh quạt :	Helice.
Cảnh vệ dân quốc :	Garde république.
Cảnh vệ dân quân :	Garde républicaine.
Cao độ :	Niveau, Côte, Altitude.
Cắm lều trại.	Barraquement.
Cắm trại đóng quân :	Barraquer des troupes.
Căn cứ :	Base.
Căn-cứ hành quân :	Base d'opération,
Căn-cứ hỏa-lực :	Base de feu.
Căn cứ không quâu :	Base d'aviation.
Căn cứ quân sự :	Base militaire.
Căn cứ tiền tuyến :	Base avancée.
Căn-cứ tiếp tế :	Base d'approvisionnement.
Căn-cứ xuất hành :	Base de départ.
Cắm lều :	Monter ou tendre une tente.

PHẦN VĂN-NGHỆ

THÂN THẾ VÀ VĂN THƠ

Cụ Tam-Nguyên-Yên-Đồ Nguyễn-Khuynh

(tiếp theo tập I)

Nói đến sự đi học, đi thi, của cụ TÂM-NGUYỄN-YÊN-ĐỒ, tức là nói đến tấm gương kiên-nhẫn, đáng để cho các học sinh soi chung, và chẳng khỏi khiến các độc-giả phải ngậm ngùi những ái ngại thay cho cái cảnh co-hàn của một nhà nho trong lúc thiếu thời.

Số là, sau khi thi đậu thủ-khoa, cụ TÂM lại còn phải trải qua bao sự phong-trần, mới tới được ngày ấn-tứ vinh-quy, danh-tiếng vang-lừng trong nước. Vì, khi chưa đỗ, thì một ông đồ, rẽ tìm nơi dạy học, để có nơi nương tựa mà học-hành thêm, và cung đỡ ít-nhiều cho gia-dình. Nay đã nên danh một bậc Thủ-Khoa, thì còn ai giám mời về nhà, dạy trẻ? Ai cũng tự nghĩ: « Nuôi một ông Thủ-Khoa nào phải chuyện dễ,

như nuôi một ông đồ. Nào dạy học, coi nhà, lại kiêm cả việc trông nom con cháu nhỏ.

Bởi thế sinh-kế của Cụ trong lúc này, lại càng thêm khó. Thạn ôi! Nhà đã nghèo lại gấp năm Quý-Tỵ, đồng trắng, nước trong, Cái cảnh gạo châu, củi què hàng ngày phô-diễn. Đứng trước mọi sự thiếu-thốn của gia-dình, Cụ, TÂM đã tưởng phải đem cái danh-hiệu Thủ-Khoa ra làm kế sinh-nhai, mà bỏ phí cả sự học-hành. Nhưng cụ Cố-Bà, thân-mẫu cụ TÂM, nhất định can-ngăn, và nói « Nhà ta vốn nghiệp nho, Tiên-công đã nói trong bài di-chúc: » (Bất dụng khuông tương kim hậu dị, Trực tương cơ trũ, cầm gia truyền) nghĩa là không cần có nhiều vàng bạc để cho con cháu, mong sao nuôi được con cháu học hành,

theo dõi chi-hướng của ông cha ».

Cho mãi đến năm Tân-Vy, có kỳ thi Hội, Cụ định sắp sửa vào Kinh ứng thi, thì lại thiếu cả đến tiền lộ-phí. Cụ Cố-bà phải chạy quanh dật mượn, hết làng nọ sang làng kia, cũng vẫn chưa đủ. Vì cuộc hành-trình từ hạt Hánam, (Bắc-Việt) tới Kinh-Đô Huế, lộ-dộ đạo-viễn, nào phải đường gần? Cụ đương lo nghĩ thì bỗng có người bạn vừa tới qua thăm, thấy Cụ Tam đã sắp lều, chổng nhưng còn thiếu tiền lộ-phí dăng-trình, ông bạn, liền ngỏ ý muốn được theo cụ vào Kinh, xem thi, và xin giúp đỡ các khoản phí dung, mặc dầu Cụ Tam chưa tiện nói rõ (ông bạn này đã được Cụ Tam giúp đỡ khi trước).

Xong trong sự không dự định trước, thì số tiền sẵn có của bạn, chắc là cũng chẳng được là bao. Nhưng Cụ cũng mừng có bạn đồng hành.

Chờ mãi không thấy Cụ Cố-Bà về, mà ngày thi gần tới. Cụ Tam và ông bạn này đành liều vác lều chổng ra đi. Vừa ra khỏi đầu làng, thì gặp Cụ

Cố Bà về. Trông thấy con, cụ Bà chỉ kịp úa hai hàng lệ, vì sự không mượn được đủ, lộ-phí, cho con đi thi. Sau cụ cũng mừng, có bạn cũ giúp đỡ, mà làm yên lòng, thấy con đã có người bạn đồng-hành. Cụ cố liền dở hầu bao, đếm được 15 quan tiền kẽm ra đưa cho Cụ Tam.

Ôi! Mười lăm quan tiền kẽm, với cuộc hành-trình vào Kinh, đường dài mấy trăm cây số, sao đủ chi-dùng. Nhưng muôn cho yên lòng mẹ, Cụ Tam dành gạt nước mắt lạy chào ra đi.

Biết bao tân khồ, chi quản gian-lao, cụ Tam và ông bạn, anh em kề xách người mang, qua Nam-Định, Ninh-Bình rồi tới Sùng-Sơn. Hai cụ vào quán ngồi chán và ra chiêm bái đèn thờ bà Liễu-Hạnh Công-chúa ở Đèn-Sòng. Cụ Tam vào lê xin thề, có câu « *Nguy nguy đọc bộ hướng van gian* » Nghĩa là (vòi voi thẳng bước, tiến tới khoảng mây) Ông bạn cười mà rằng: Bà chúa thiêng thật, vì nay mai chúng ta sẽ qua đèo Hải-Vân, (Đèo mây lối vào Kinh-Đô Huế) Nhưng Cụ Tam thì tự cho rằng khoa này, thế nào cụ cũng đỡ cao,

vì vẫn có nghĩa là bước thang mây. Ngót một tháng giờ, hai cự cùng nhau vạch lầu, tìm lối qua vùng Ngè-Áo, Hà-Tĩnh, Quang-Bình, Quảng-Trị, rồi tới Thừa-Thiên.

Tới nơi, vừa tiết trong xuân núi Ngự bao la, sông Hương quanh quẩn, non nước hữu tình, cỏ hoa hòn hở, đón chào những bậc văn-nhân, tài-tử từ Bắc chí Nam, sắp sửa ra tay tranh khôi, đoạt giáp.

Nhưng, những cảnh vật sinh tươi đó, hình như chỉ dành riêng cho những bậc công-tử vương tôn, sinh-trưởng ở nơi gác lầu, lầu hồng mà những hững hờ với các nhà Nho thauh-dạm. Thực vậy, khi cự Tam và ông bạn tới chốn Trường-an, đi tìm nhà trọ, thì chỗ hàng quán cao sang, đã hầu chật nich, đến nỗi các túu-quán không còn đủ chỗ để tiếp các khách hàng.

Hai cự dành ra tận ngoài bến Ngự mới kiếm được nơi nghỉ trọ. Trong mấy ngày đầu, những sự vui cười, du ngoạn của các bậc công-tử vương tôn đã làm náo động cả chốn Kinh-thành. Ngày đâu qua mấy kỳ thi, những người thi trượt ra về đã vẫn, chỉ còn số người

ở lại, đợi nghe sướng danh. Những nơi túu-quán đã lại trở lại bình tĩnh như xưa.

Thấy đã thưa khách, e hàng các chủ quán đã phải ra tận gần trường thi đón khách. Lúc đó cự Tam mới được chủ quán đón dâ mòi chào. Muốn cho được gần trường, tiện nghe tin tức, Cụ Tam và ông bạn từ biệt căn nhà úp xúp ở bến Ngự, đến trọ một căn nh lộng lẫy, ở ngay gần cầu Đông-Ba. Thi đã xong, văn viết chạy, cự Tam cầm chắc là không bị bỏ rơi, đề phải trở về, với một danh hiệu thủ-khoa như cũ.

Cụ đã thấy vui lòng về những câu văn đắc sách. Rồi đây sẽ không phụ lòng mong mỏi của mẹ già, gần bầy mươi tuổi, đương ngóug tin con. Nên trong khi chờ đợi sướng danh, cự đi du ngoạn các nơi danh sơn thắng tích Một hôm, Cụ Tam đến gần cảnh một ngôi chùa cổ ở ngoài Kinh-thành, đi đường quá mệt, vừa ngả lưng nằm nghỉ, thì đã thấy ông bạn đồng-hành, với vã đi tìm về nghe sướng danh. Khi về tới gần cửa trường

tiếng loa hãy còn vắng vắng :
Tên người đỗ đầu trong kỳ
thi hội, chính là tên cụ.

Nghe xướng danh xong, cụ
về nhà trọ, thu xếp bút
nghiên, để chờ ngày thi Đinh
(Kỳ thi cuối cùng trong điện
nhà Vua). Người chủ quán
cũng hạng thư sinh lõi bước,
hâm mộ nhân tài, ưng xin
giúp đỡ cụ Tam : nào khăn
nào áo, nào phi dụng, để vào
thi Đinh. (Sau này cụ Tam
làm Bồ-Chánh Quảng-Nam đã
trả ơn người chủ-quán đó một
cách rất hậu).

Qua kỳ thi Đinh, cụ Tam
lại đỗ đầu lần nữa, nên được
nhà vua ban mũ áo. và cờ
biển có viết hai chữ « Tam-
Nguyên » nghĩa là ba lần đỗ
đầu và ân-lứ vinh-quy.

Về quê ít lâu, cụ tiếp
được Chỉ của Triều-Đinh so
bồ Đốc-học Thanh-hóa. Nhờ
sự giảng rụng chuyên cần của
cụ, mà học trò thành đạt rất
nhiều. Các văn-sĩ thuộc những
vùng Hà, Nam, Ninh và Thanh
Nghệ, Tĩnh đến tập rất
đông.

Chẳng bao lâu vì chính thanh
tốt, Cụ được thăng bồ Án-sát
tỉnh ấy, năm sau cải bồ Án-
Sát Nghệ-An, rồi thăng Bồ-

Chánh Quảng-Nam, Quảng-
Ngãi.

Tuy là một văn-quan nức
tiếng hay chữ khắp chốn Kinh
Kỳ, nhưng khi sung chức Bồ-
Chánh, cụ đã tỏ ra một người
mẫn-cán thao-lược hơn người.
Mấy lần tiễn Phí, đều dẹp yên
được. Trong sự chấp đạo an-
dân, Cụ là một bậc có tài. Cụ
đến trọng nhậm hạt nào đã
khéo dèm lời phủ-dụ dân-
chúng, khuyên dân làm ruộng
giồng giậu, dệt cùi, và nghề
chăn nuôi. Ai ai cũng được
an-cư lạc-nghiệp. Những người
đã trót lầm đường, lõi bước
cũng cải tà quy chính.

Vì chính - thanh tốt, nên
Triều-Đinh cử sung Sứ-quán
Toản - Tu; hồi này cụ đã soạn
được rất nhiều sách quý.

Trong nom công việc soạn
sách được mấy năm, gấp hồi
nước nhà hữu sự, cần phải
giao hảo với Trung-Hoa, nên
Triều-Đinh cử Cụ và cụ Lạng-
Bình Tuần-Phủ Lã-Xuân-Oai
sung Thiên-Tân hạm mạnh. Khi
đã làm tròn sứ-mạnh, cụ được
cử quyền Sơn-llung- Tuyên
Tông-Đốc.

Nhưng hồi đó, gấp khi quốc-
biển, người Pháp đương sắp
đặt cuộc đô hộ tại Việt-Nam,

Cụ thấy tình thế khó lòng cứu vãn, và thấy các bạn đồng-liêu như cụ Nghè Nguyễn-Kham, cụ Nghè Nguyễn-Xuân-Ôn đã đều tử tiết, nên cụ lấy cơ đau mắt, cáo quan hồi hưu mượn cảnh diền-viên mà ăn dạt; lấy sự đào luyện nhân-tài làm phận sự, cho nên học-trò các tỉnh lại đến thu nghiệp rất đông.

Nhưng than ôi ! Khi về tối chỗ cổ viễn, vẫn hoàn hai bàn tay trắng, tiền bạc đã không, ruộng vườn chẳng có, đến nỗi cụ vẫn phải lẩn-khuất trong chiếc nhà gianh, ông cha Iru lại. Các bạn hãy đọc bài thơ của cụ sau đây, đủ rõ

Năm gian nhà cỏ thấp-le-te.
Ngõ tối, đêm khuya dom lập
 loè.
Lưng đậu phất-phơ, màu khói
 nhạt.
Làn ao lóng-lánh, bóng giăng
 xoè.

Da giờ ai nhuộm mà xanh
 ngắt?
Mắt lão không viền cũng đỏ
 hoe.
Rượu tiếng rắng hay, hay
 chẳng mấy.
Độ năm ba chén đã xay nhẹ.
Cáo lão nghỉ nhà, dạy học trò,
làm thơ văn cho khuây nh Rutgers;

còn tru-niệm Cụ buồn, buồn đến nỗi đã biều-lộ tâm sự trong mấy vần thơ sau :

Ngần ấy năm nay vẫn ở nhà.
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta ;

Xin coi hai bài thơ chũ và nôm
ở trang 71.



Vì biết tiếng Cụ, học trò các tỉnh đến học rất đông, từ Trung chí Bắc, học trò của Cụ thành đạt rất nhiều. Như các ông : Hoàng-Mạnh-Trí, sau làm Tổng-Đốc; Hoàng - Thúc - Tự sau làm Thương-Tá, Đoàn-thuy-Liên, Lê-Khiết, sau làm Áu-Sát V...V...

Hội này, các bậc văn thân các noi lui tới rất đông, như Cụ nghè Giao-Cù Nguyễn-Hữu-Lợi, Cụ Phan-Đinh-Phùng và các nhà có tư tưởng cách-mệnh cũng tới thăm cụ luôn luôn. Nhân sự vỡ lở của Hội Đông-Kinh - Nghĩa-Thục, Cụ bị các nhà cầm quyền lúc bấy giờ

dè ý, nên cụ phải nhận lời
lên đây học ở nhà ông Hoàng-
Cao.

Sau mấy năm tạm yên, cụ
lui về chốn cũ, thì có một vị
Thượng-Quan cõi mời cụ ra
làm quan nữa, nhưng cụ hết
sức chối từ, có viết bài thơ
chữ hán để trả lời. (Ngụ ý lời
người gái hóa không ưng tái-
giá nữa.)

Bài này do cụ Hoàng-Giáp
Lang-Ngan, Đỗ-Đinh-Liêu đã
diễn nôm như sau :

Người chẳng thấy gái này
gái hóa,
Buồn năm xuông, xuông cả
áo cơm.
Thương vay có mụ tá cơm.
Đêm chàng tuổi trẻ ép làm
lứa đôi
Chàng tuổi trẻ chơi bời khác
tục.
Gái già này súc vóc được bao
Muốn sao chiều chàng như
sao.
Trước vui sum họp, sau náo
được lâu?
Duyên-tơ chắp đã rầu cả hung;
Muốn ấm-no mà cũng chả
xong?
Nhớ lời cha mẹ theo-thùng!
Nhiều điều mai mỉa, sượng-
sùng lăm thay!

Mụ hối mu, thương vay chỉ
thế!

Thương thì hay, nhưng kế
chẳng hay.

Thương thì gạo vải cho vay
Lại chồng thì gái già này xin
thôi!

Cụ trả lời vị thượng-quan,
như trên dè tỏ ý không muốn
ra làm quan nữa. Cụ an-nghi
ở nhà được mười năm thì
tạ thế, Cụ mất ngày 15 tháng
Giêng năm Canh-tuất (1910)
trong đám tang có đủ các
vị thượng-quan, Bắc-Trung
Nam và các môn-sinh, lúc đó
đã thành đạt nhiều về dự
tang rất đông, đến nỗi khắp
làng không còn đủ chỗ đón
mời tân khách.

Xuất thân trong nền kinh-
tường, Cụ Tam - Nguyễn
Nguyễn-Khuyến đã sớm dưỡng
thành những đức tính yêu
nước quý dân ngay từ thuở
nhỏ, nêu sáu này trong thời
biết, cũng như thời loạn, cụ
vẫn giữ được đức tính thanh
cao, liêm khiết, mặc giàu từ
trước chi sau, cụ vẫn ở trong
cảnh: Nho-gia thanh-bạch.
Chính vì sự liêm khiết đó, cụ
được hậu thế suy tôn, cả đến
các bậc đồng thời với cụ cũng
đều mến phục.

Thấy Cụ là người trung trực, lại là một bậc có công với nước, Vua Tự-Đức có ban tặng Cụ câu đối sau đây :

«*Thịnh đức, mậu công, truyền
chi bách thể*»;

«*Thần trung, tử hiếu, duy
thủ nhất tâm*»

Xin tạm giải nghĩa :

Đức dầy, công lớn, truyền muôn thuở,
Con hiếu, tôi trung, trọn tấm lòng.

Ngay đến khi Cụ gần lâm chung, tấm lòng liêm khiết của Cụ đã biểu lộ rõ trong bài di-chúc, chữ Hán, mà sau này có nhiều nhà nho đã diễn ra nôm. (các bài nôm dịch thơ tri mệnh, là sau này mới dịch, Cụ Tam chỉ làm có bài chữ Hán thôi).

Lăng Cụ hiện nay ở núi Bảo-Dài, thuộc làng Ngô-Xá, Huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định, trong lăng còn thấy có nhiều câu đối của các thân bằng, và các vị môn-sinh của Cụ. Thuật-giả nhớ được mấy câu, xin biên ra sau :

Câu đối của Cụ Thượng Thư Văn-Định Dương-Khuê :

Ngọc-Hoàng án lại, long khứ vân túc hoàn, tam thập tài diền viên, tinh tự mỗi xưng tiền Tiến Sỹ.

Thái-Bạch hào tình, bối khuynh ngâm diệc tựu, sở bách thiên phong nhã, sinh bình tối ức lệnh danh công.

DIỄN NGHĨA

Dưới ngọc bệ, tỏ mặt văn thần, mây tan rồng lặn, ba mươi năm, trải thú diền viên tên tuổi chỉ xưng tiền Tiến-Sỹ.

Trên kim tinh nỗi tài thi-bá, rượu rót thơ đề, mấy trăm trang nên câu phong nhã, bình sinh vốn trọng lệnh danh công.

Câu đối của Cụ Tống-Đốc Nam-Định Hoàng-Mạnh-Tri :

Nhã vọng đầu sơn tôn; thiên giả dĩ tuế niên vi ngò đạo kế;

Đại đồng tung bách tú, đẽ già kỳ thao lý, hữu cõ nhân phong,

DIỄN NGHĨA

Đức tựa đầu-sơn cao, tuối tác ơn giời truyền đạo thánh;

Đông về tung bách tốt, văn chương nét đất đẹp lòng vua.

Câu này của Cụ Án-Sát Nam-Định, Đoàn-Thụy-Liên, (Học-Trò Cụ-Tam)

Tá bệnh khất hồ sơn, chỉ
hữn cúc tùng nǎng giải ý;

Ngưỡng chiêm tịnh tinh
đầu, vị ưng phong nhã độc
truyền danh.

Xin tạm diễn nghĩa như sau:

«Khéo mượn bệnh từ quan,
tắc dạ non sông, tùng cúc
biết;

Há riêng lòng nhã độ, Ngôi
saô tinh đầu nước nhà trông».

Câu sau đây của các Quan
đầu tỉnh Hà-Nam:

«Quế-linh yên-vân hoàn
lục trúc;

Bảo-Đài phong nguyệt hộ
giai thành».

Xin tạm diễn nghĩa:

«Quế-Linh nghìn thu, khói
biếc, mây xanh lòng bóng
trúc;

Bảo-Đài một nǎm, giăng
trong gió mát, đượm thành
hoa».

*Chú-thích : Quế-Linh : là biệt
hiệu của Cụ Tam ; Bảo-Đài,
tên trái núi ở làng Ngô-Xá
có lăng Cụ Tam.*

(Kỳ sau sẽ tiếp)

Vỵ-KIỀU sao lục



CHÙA SUỐI

NÚI LÀNG

XÓM NÚI

Lăng Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ Nguyễn-Khuyển
ở làng Ngô-Xá, (cạnh chùa Suối, thuộc hạt Ý-Yên, Nam-Định)

Thơ nôm Cụ Tam-Nguyễn Yên-Đồ

Nguyễn-Khuynh (1835-1911)

(Xem Tiêu-truyện ở Tập I)



Ảnh Cụ Tam-Nguyễn khi đã từ quan

Về văn-thơ, Cụ Tam Nguyễn Yên Đồ thường làm những bài thơ chữ Hán, có diễn quốc âm, những câu cầu kỳ, gợt, rữa thì không, mà câu bỗn, cợt, dặn, cười, hoặc có, chẳng qua cũng một thú riêng tiêu khiển, cho khuây những cơn ưu niêm trong lúc giang hồ.

Cụ có viết tập thơ Quế-Sơn, chữ Hán, và một ít thơ nôm đè lại, nhiều bài các báo, sách đã sao lục, in ra, nhưng có nhiều bài sai lầm, lại có nhiều bài tất là không phải.

Nguyễn bẩn, loạn trân, thực là nhiều lầm.

Nay bẩn-quán sao lục, in lại cả những bài mà các báo, sách đã in sai, và có chủ thích lược giải, đè công hiến các bạn Độc-Giả. Mong các bạn nên lượng cho rằng : Tác-giả là

người thế nào ? Thời đại ấy là thời đại nào ? Văn quốc-âm của tác-giả có phải là văn-chương chước ý không ?

Xem bài tự vịnh, có câu :
« Lúc lúng, uống thêm dăm chén rượu ;

Khi buồn ngâm láo mẩy vẫn thơ »

Thì dù rõ, thơ quốc-âm của Tác-giả cũng không có nhiều, mà những bài giả thắc kia, không biện đủ rõ.

Nay cứ nguyên tác in ra, không giám thêm mà không giám bớt. Những cây tùng bách thì hay tươi tốt về mùa thu, đông, mà các thứ hoa khác, thì bay đưa nở về mùa xuân, hạ. Hương thơm, sắc đẹp, phẩm giá theo thời vây.

(Viết tại Yên-Đồ ngày 5-5-1954)
VỊ-KIỀU CẨN CHÍ.

Thơ đường luật

(vìra chữ, vìra nôm)

Thơ Chữ Hán :

Mạn hứng

Bô môn nhất xuất, toại qui điền,
Bần bệnh niên lai, độc tự lân.
Song nhặt ám di hồng ảnh cạn.
Trúc phong bắt nhượng bạch đan tiên
Bá ương nô lão, tri hòa cước;
Trạc cốc nhân hời, dân đầu niên.
Thứa hứng chỉ duy tôn tửu đích,
Nam sơn băng diều chính du nhiên./

DIỄN NÔM

Chợt hứng

Ngẩn ấy năm nay, vẫn ở nhà,
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta.
Bóng hiên thêm ngán hơi nồng nhỉ;
Ngọn gió không nhường tóc bạc a.
Thứa mạ dạch dài, chân xấu tốt;
Đầu lương do đắn, tuổi non già.
Khi buồn chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lơ mơ ngọn núi xa!

CHÚ THÍCH: Thứa mạ: Thứa ruộng cao để leo mạ giồng.

Chân xấu tốt: Thứa ruộng xấu, thứa ruộng tốt.

Đầu lương: ở chữ đầu thăng, (lương nhà vua cho)

Câu 7 8 ý nói: người say rượu mắt mờ, lù lù ngọn núi cao trước mặt trông cũng không rõ.

LƯỢC GIẢI: Mấy năm về nghỉ, mình lại thương mình. Bóng hiên chèn chêch nắng rất vàng hồng; Gió trúc biu biu, nè gì tóc bạc. Đã quen nghè làm ruộng, nên thứa mạ xấu tốt, biết rõ rạch ròi.

Cáo quan nghỉ nhà, ngồi buồn chỉ có chén rượu làm vui, nhưng khi đã quá say, thì rù ngọn núi cao lù lù, cũng không trông thấy.

Úc Long-Đọi Sơn

Nhị thập niên tiền phỏng thượng phương
Thử thời cảnh sắc vị tương vương.
Bán không tĩnh phạm giao tinh nguyệt;
Lịch đại tàn bi chứng hải tang.
Binh đã thiên thôn tam diện hợp;
Không sơn vạn phật, nhất tăng tàng.
Chí kim đọ hận trường giang cấp;
Nhật dạ bôn đảo diệc đáo dương.

Thăm núi Long-Đọi

Hai mươi năm cũ, lại lên đây,
Phong cảnh nhà chiền, vẫn chưa khuây.
Chiếc bóng lung tròn, am các quạnh;
Mảnh bia thuỷ trước, bể dâu đầy.
Le te nghìn xóm, quanh ba mặt;
Lỗ nhổ muôn ống, lắn một thay.
Nghĩ lại bức cho dòng nước chảy,
Đi đâu mà chạy cả đêm ngày.

CHÚ THÍCH: Long-Đọi sơn tức là Núi-Đọi, ở hạt Duy-tiên, tỉnh
Hànam.

Nhà chiền: nhà chùa;

Muôn ống, một thay: muôn ống phật; một thay tăng.

LƯỢC GIẢI: Hai mươi năm trước đây, ta đã lên chơi trên Núi này.
Phong cảnh nhà chùa, ngày trước thế nào, nay ta vẫn còn nhớ!

Chùa xây gần gốc núi, nên bóng chùa như treo trên lung trời.
Vì chùa ở cao, nên cảnh vắng;

Trước mặt Chùa có bia dựng từ đời cõi, tấm bia đó đã trải qua bao
phen dâu bể rồi.

Đứng trên núi trông xuống thì nghìn xóm dâu cư, nhà cửa le te,
bao quanh ba mặt. Trong Chùa lỗ nhổ hàng muôn pho tượng phật;
mà chỉ có một thay tăng tu hành ở đó.

Thôi, cảnh đấy, người đây, trước sao sau vậy, chỉ riêng dặn cho
dòng nước sông kia, chảy xuôi đêm ngày, ra giáng vội vàng. Ông
giống nước kia chảy đi đâu, mà chảy gấp thế, tưởng cũng chỉ chảy
ra đến Bè là cùng, chứ còn chảy đi đâu nữa?

Một bài tả cảnh, như một bức họa thiên nhiên, lại riêng tỏ được
nỗi cảm hoài. Đó thực là một bài thơ kiệt tác. Bài chữ Hán, và bài
Quốc văn đều chỉnh và hay.

Ca - tịch

Thanh ngâm, nhất khúc kỷ hồi văn,
Bán nhập giang lưu, bán nhập vân.
Khứ Tán dĩ ứng lân Tĩnh-tiết ;
Xuất Hồ, thùy phục ức Chiêu-Quân.
Ngọc quan triết liễu nan vi diệu ;
U kinh tài lan, chỉ tự phân.
Thán túc giai nhân đa bất ngộ,
Thanh đăng đối trước thả ân cần.



Tiệc - hát

Một khúc đêm khuya, tiếng đã trầy,
Nửa chen mặt nước, nửa tùng mây.
Nghĩ mình vườn cũ, vừa lui bước ;
Ngán kẻ phuong giờ, chẳng dứt giấy.
Bé liễu, thành giài, thôi cũng xếp ;
Giồng lan, ngộ lỗi, ngát nào hay.
Tù xưa mặt ngọc ai là chẳng,
Chén rượu bên đèn, luống lỉnh xay.

CHÚ THÍCH. -- Tiày là lâu. Vườn cũ lui bước là cáo quan về ngồi nhà.

Mặt ngọc ý nói những người có tài, hay eò sắc.

LƯỢC GIẢI : Bài này, Cụ Tam viết trong khi đã cáo lão về ngồi nhà.

Đêm khuya nghe khúc bát thanh tao, mà mình đã từng nghe qua. Tiếng hát ru-dương, nửa chen mặt nước, nửa ngắt tùng mây, khiến mình tự nghĩ ngay mình vừa lui bước về vườn cũ, mùi tục lụy đã hắc khuây, lại ai ngại thay cho kẻ, phuong trời lận đận, chưa dứt tơ-tình.

Thôi thi, những truyện bé liễu chọn thành giài, giồng lan trong ngộ lỗi hương ngát ai hay, ta hãy tạm xếp một nơi, vì, xưa nay vẫn thế, những gười tài, sắc, thường gặp những sự không may.

Bây giờ tình cờ gặp nhau, trong buổi tiệc hát thi chén rượu bên đèn chúng ta hãy tạm cùng nhau sảy tinh, cho khuây những cơ ưu niếm.

Thơ bạn gửi thăm

(DIỄN NÔM RA CHỮ)

Ngất ngưởng kia ai đội mũ ni;
 Rắp danh nhưng cũng chưa qua thì.
 Chuyện đời những muôn hai tai lấp;
 Nợ nước còn mang chín khúc ghi.
 Bè bạc biết đâu, kè bến đậu;
 Lòng son hờ rẽ, kiém đường đi.
 Mấy lời kính gửi thăm Quan Cụ,
 Thong thả rồi ra gặp có khi.

CỤ TAM DIỄN RA CHỮ HÁN

Nga nga thùy chước lão tăng quan.
 Dục giác trần duyên vị quá quan.
 Thể sự bà năng song nhĩ tắc ;
 Quốc ân do ký thốn tâm dan.
 Hứa da ngân hải, siêu phàm lő
 Tuyệt thiều châu lung, trấn vũ hàn.
 Trân trọng nhất thư, ký tương vấn.
 Tương kỳ tảo vẫn riệc tương hoan.

LƯỢC GIẢI. — Trông thấy ai ngất ngưởng, đội chiếc mũ ni, (Đời trước
 các Cụ già, hay đội mũ ni, nên có câu mũ ni che tai) mình cũng rắp
 danh được cảnh an nhàn như thế, nhưng lại chưa đến tuổi về hưu.

Truyện đời báo ngán, muôn lấp hai tai; Nợ nước nặng nề, còn ghi
 tắc dạ. Biết đâu noi bè bạc, mà ghé thuyền vào; Còn ở trong lòng son
 khôn cất cách nói.

Trông người thoi lại ngâm mình, xin hãy tạm gửi mấy lời Kính thăm
 Quan Cụ, rồi đây, tôi mong may mai; sẽ có dịp được tới hầu truyện.

Thơ nôm Cụ Tam-Nguyễn Yên-Đô

Tự - Thơ năm Mậu - Thân (1909)

Năm nay tờ đã bảy mươi tư,
 Răng lão, răng quan, tờ cũng ừ.
 Lúc hưng uống thêm dăm chén rượu;
 Khi buồn ngâm láo mấy vần thơ !

Bạn già lớp trước, nay còn mấy ;
Truyện cũ mười điều, chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,
Thứ xem giờ mãi, thế này ư.

CHÚ-THÍCH : Truyện cũ mười điều chín chẳng như, dịch ở câu chữ Hán : « Thể sự bất như ý, thập thường bát cửu. » Nghĩa là : Phàm việc ở đời, mười điều thì có đến tám chín điều, không được như ý muốn của mình.

LƯỢC GIẢI : Năm nay ta đã bảy mươi tư rồi,
Người b老子 là ông lão, ta cũng ư.
Người hảo ta là Quan ta cũng gật.

Lúc cao hứng ta sẽ uống một vài chén rượu ; Lúc buồn ta ngâm láo một vài câu thơ, cho khuây sự buồn

Bạn già cùng lớp tuổi với ta, nay đã mất cả, chả còn lại mấy người ; Truyện cũ, thì trong mười điều, có đến chín điều chẳng được như ý.

Ta cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa, để xem, có lẽ đâu mãi như thế này.

Bài này, cũ viết trong lúc từ quan, về nghỉ nhà, gặp phải buồn đời loạn lạc, Cụ buồn và Cụ mong, xem có lúc nào được thái-bình không hay cứ thế này mãi.



Lên núi Yên-Lão

Mặt nước mông mênh nầy một hòn.
Tiếng già nhưng núi vẫn là non !
Mảng cây thưa thớt đầu như trọc.
Tầng đá cheo leo ngắn chừa mòn !
Một lá về đâu xa thăm thăm ;
Nghìn làng trông xuồng bé con con.
Tiếng già già chửa hơn ta nhỉ
Chỗng gậy mà lên gối chửa chồn.

CHÚ-THÍCH : Lá, đây nghĩa là chiếc thuyền, chồn là mồi.

LƯỢC GIẢI : Dùa cánh đồng nước mênh mông, có một quả núi, gọi là Yên-lão Sơn. Mới nghe tiếng lão, tưởng là núi đã già tuổi lắm, nhưng núi thường gọi là núi non, thì sao lại già được..

Ngọn núi cây cối thưa thớt, trông như đầu trọc, mà đá xếp từng đợt, có ngắn, xưa nay vẫn còn.

Đứng trên đỉnh núi trông xuống xa xa thấy có một lá thuyền trôi, không biết trôi về đâu, trông xuống chân núi, thì có đều ngần lèng, bé nhỏ, cảnh trí thiên nhiên. Càng thêm ngoạn mục.

Núi tuy già, nhưng cũng không hơn ta mấy, vì núi tuy cao thật nhưng ta còn chống gậy lên chơi, không thấy chồn chán.



Châu-chấu đá voi

Châu-chấu làm sao giám đá voi;
Đứng xem ai chẳng bật như cười.
Suy soe nhảy lại dương hai vế;
Ngứa ngáy không hề động tí đuôi.
Say tinh cuộc này ba chén rượu;
Được thua chuyện ấy, một trò chơi,
Cả gan cũng sợ cho mình nhỉ;
Theo đít còn hơn một lũ ruồi.

LƯỢC GIẢI. — Voi to, châu chấu bé, thế mà châu giám đá voi. Ai trông thấy, chả phải bật cười.

Châu chấu suy soe dương hai vế, nhảy đá nhưng voi có thấy ngứa ngáy, động đến tí đuôi đâu.

Tỉnh say ba chén rượu, coi thử cuộc này; Thua được một trò cười là thay chuyện đó, nhưng cũng đáng khen thay cho châu chấu giám cả gan không kẽ mình là bé nhỏ, việc đá cứ đá, cốt sao cho thỏa chí mình là được.

Nếu đem so sánh châu chấu với bọn ruồi nhặng kia, chỉ vo ve theo đít con Voi, chịu ngửi cái mùi hôi bẩn, thì châu chấu còn hơn bọn ruồi nhặng kia nhiều.. Hơn ở chỗ cả gan, giám làm đó.

Du-xuân vịnh

(THANH-TÂM LỤC BÈ TÙ)

Vì chẳng vui chơi hội Đạp-thanh.
Làm sao mang lấy nợ ba-sinh !
Kẻ còn, người khuất, dời hàng lè:
Trước lá, sau quen, một chữ tình.
Nghĩ đến suối vàng thương mệnh bạc ;
Nở nào lá thăm phụ xuân xanh .
Trong khuôn tài sắc trời hay ghét .
Vẫn lỗi xưa nay chả một mình.

CHÚ THÍCH : Đạp thanh: Hội đi tảo mộ trong tiết thanh: mùng của người Tàu.

Ba sinh: Ba đời thác sinh làm người đều gặp nhau, do câu « Tam sinh thạch thượng nhận tiền duyên ».

Người khuất: trỏ Đạm Tiên.

Suối vàng theo chữ hán: Hoàng-tuyền.

Lá thăm theo chữ Hán: Hồng riệp.

CHÚ GIẢI — Nếu Kìa không đi chơi hội Đạp thanh, thì sao có gặp Kim-trọng để đeo nợ ba sinh. Vì sao mà Đạm-Tiên, thấy người năm đó: biết sau thế nào, cảm thán thế mà rời hàng lè gặp chàng Kim Trọng biết có duyên gì vì sắc tài mà vương mổi lụy nghĩ thương người mệnh bạc đã nắm dưới suối vàng, phụ tuổi xuân xanh, bỏ qua thi lá thăm. Nhưng xưa nay vẫn thế, sắc tài càng lấm trời đất càng ghen, chẳng một mình ai đã mang lấy kiếp hồng nhana. Làm cho cho hại cho tàn cho coi.



Viên-ngoại ngộ biển

Chú bán tơ dâu dờ-dói ra.
Để cho bận đến cụ viên già.
Muốn xong phải kiểm ba trăm lạng ;
Khéo xếp dành liều một chiếc thoa.
Đón khách mượn mầu son-phấn mỵ;
Bản minh chục lầy tội tình cha.

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ?
Đời trước làm quan cũng thế a!

CHÚ GIẢI — Vì chủ bán tơ vu oan, đến nỗi Vương-Viên Ngoại bị bắt tình nghi, có ba trăm lạng, việc này mới xong.

Muốn chuộc tội cho cha, Kiều phải bán mình vào đám lầu xanh, thật đáng ái ngại thay cho người hùng nhan bạc mạnh.

Hai câu 7, 8, tác giả cốt mượn việc nàng Kiều để miêu tả những buan tham, lại những, từ xưa đã có, chẳng những bây giờ

A

Giả cách điếc

CA TRÙ

Trong thiên-hạ có một người giả điếc.
Thấy ngơ ngo, ngác ngác, ngõ là ngây!
Chẳng ai ngờ : sáng tai họ điếc tai cầy.
Mở lối điếc đê sau này em muốn học.
Tọa trung đàm tiếu, nhân như mộc.

Giả bán phan viễn nhĩ tự hầu,

Khi vườn sau: khi sân trước, khi diều thuốc, khi miếng trầu; Khi trà chuyên dầm bầy chén, khi kiều lầy một vài câu, Tỉnh một lúc lâu lâu rồi lại điếc ; điếc như thế ại không muốn điếc ; điếc như anh rẽ bắt chước ru mà ?

Hỏi anh anh cứ ập à !

CHÚ THÍCH: Sáng tai họ điếc tai cầy, nghĩa là khi người ta bảo con trâu đừng lại; thì nó nghe thấy ngay, mà đứng lại; khi người ta dục nó cầy đi, thì nó làm lơ như điếc không nghe thấy, nghĩa bóng là mấy việc trâu mà nói người lười.

Tọa trung đàm tiếu, nhân như mộc. Giả bán phan viễn, nhĩ tự hầu nghĩa là: Trong khi cười nói, thì người tro như cây gỗ, mà khi đêm vắng thì leo leonhanh như con khỉ.

Bài này nói về một người thường thấy việc gì khó khăn, thì giả cách điếc, không nghe thấy gì. Điếc như thế kề cũng là khôn thực, rẽ ại đã bắt chước được.

Lúc nào cũng cứ ập à, ập ừ, cho người tưởng làm là điếc.

Chúc thọ bà Hoàng-Giáp Tam-Đăng (NGHĨ HỘ)

- 1) Một mừng non nước vùng ta,
Núi Gôi trăm trượng, bờ Nha nghìn tăm.
Mấy khi giăng tó mây trầm.
Trăm năm đê một tiếng cầm sông Thương.
Chữ rằng thọ khảo vô cương !
- 2) Hai mừng gấp buổi nhiềuIo.
Nhiều Io, giờ lại thêm cho tuổi giờ.
Giờ cho nhưng cũng tại người,
Phấn son tạc đê muôn đời chẳng quên.
Chữ rằng vĩnh thi phất viên !
- 3) Ba mừng tiệc thọ ngày xuân.
Áo ban vè lạn, chén thuần hương bay !
Đào tiên trong mây tung mây.
Vén tay lên bẻ thù này là ba.
Chữ rằng tích thiện chi gia !

CHỦ THÍCH : Xã Tam-Đăng thuộc phủ Nghĩa-Hưng tỉnh Nam-Định. Gần đó có núi Gôi thuộc Hạt Nghĩa-Hưng trước có cửa bờ Nha - Hải.

NHIỀU IO : ở câu ưu ca già thọ — Nghĩa là càng phải Io lịt càng thọ-

VĨNH THỈ PHẤT VIÊN : chữ trong kinh thi nghĩa là nhớ mãi không quên

ÁO BAN : Ông Lão-Lai-Tử mặc áo sặc sỡ múa trước sân đê vui lòng

cha mẹ.

CHÉN THUẦN : Rượu Nho.

ĐÀO TIÊN — Tức là quả bàn đào — Ăn vào sống lâu, nên thường nói « Vương Mẫu bàn đào ».

BÈ ĐÀO RA LÀN : ở diền Đông Phương Sóc. Ba làn bè trộm đào của

Tây-Vương-Mẫu:

Ý nói làn chúc thọ này nữa, là nhà Cụ Hoàng Giáp đã làm tiệc thọ ba

lần rồi.



Văn thơ mới
Các thể văn
Thất ngôn Đường luật

của ĐẠM-NGUYỄN

Dự cuộc thi thơ, được trúng tuyển nhất,
nhưng phát giải nhì nên có bài này :

I

Người rằng : cuồng chữ ; kẻ rằng say :
Thi cử ; coi chừng có rủi may :
Đã nhất, thôi mà không phải nhất ;
Rằng hay, xong cũng chưa là hay !
Mệnh mông bè học đâu bờ bến ;
Bát-ngát rừng nho, lẵn cỏ, cây.
Khách muốn chơi thơ, thơ chưa sỏi,
Hỏi rằng, ta biết nói sao đây !

II

Tặng bà Chủ-Quán Trà, Thơ, trong Chợ-Phiên

Trước quán trà, thơ, khách rạo qua,
Thăng-Long văn vật, vẫn còn a !
Ngâm câu bạch thủ, hồn lai láng ;
Gạn chén hồng mai, vẻ thoát tha.
Thơ viết chằng hay, hay khách viết ;
Trà pha không đượm, đượm người pha,
Trà, thơ, kén được ai là khách,
Khách biết trà, thơ, được mấy choa.

CHÚ THÍCH : Bạch thủ ở câu : Bạch thủ phân như thành đề sự ; ý nói đến già mà cũng chưa làm được việc gì. Mấy choa, ý nói mấy người.

III

Tản cù qua Thành nhà Mạc, cảm hoài

Giang sơn riêng một giải sông Tura,
Mạc chúa còn lưu tiếng đến giờ.
Vết hổ, chân hươu, thành quách cũ,
Luống khoai, vườn mía, điện dài xưa
Đất, sương reo xuống, cây như nhuộm,
Trời, khói dùn lên, núi muôn mura,
Biết hỏi thăm ai câu chuyện cũ ?
Người cày đâu đã thả trâu trưa ?

LƯỢC DẪN : Thấy sự tàn phá, chạnh mồi cảm hoài. Nơi thành quách cũ chỉ thấy vết hổ, chân hươu ; chốn điện dài xưa, nay thành luống khoai, vườn mía.

IV

Mừng ông Tướng võ

(Xuất thân ở cửa Tướng văn)

Anh tài ưu tú của non sông,
Cửa tướng sinh ra tướng có giọng.
Thao lược vang lừng trên đất Việt,
Ân uy tràn khắp dưới trời đông.
Viên-môn trường rủ, vẫn in hò ?
Mạc-phủ gương lồng, bóng rợp thung.
Anh dũng nêu cao tài thủ lĩnh,
Một nhà con hiếu lại tói trung.

CHÚ THÍCH : Hai câu 5,6 nghĩa là : Cửa ông Tướng văn có ông Tướng võ. Trong dinh ông Tướng võ có cây thông to rủ bóng rợp, ý nói còn thập Phụ (vì thung là nói về cha)

V

Tản cù mìền Đông-Hải

Loanh quanh chỉ những lội cùng trèo,
Vừa mới sang khe, lại vượt đèo.
Đất thẳm, ngày không tin tức nhạn,
Vườn hoang, đêm có vết chân beo.
Đồng khô giáp giới, dân canh ngặt;
Ngõ hẹp xuyên sơn, khách vắng teo,
Đứng lại đầu non trông bẽ lục;
Thuyền ai một lá, thảng tay chèo!

VI

Quy diển mạn hứng

THƠ CHỮ HÁN

Kinh thu hồ hải úc diền viên,
Phong cảnh tiêu sơ khởi phục tiền.
Vắng sự yên họa, hồn tự mộng;
Bán sinh bình ngạnh, hoặc ngô duyên.
Nguyệt minh ứng giác châu hàm lệ;
Nhật hoãn phượng tri, ngọc hữu yên?
Hận bất đắc quy, quy riệc hận,
Hư kinh tuế nguyệt, độc thành miên.

ĐÀM-NGUYỄN

DIỄN QUỐC-ÂM

(Tản cù về thăm quê, ngẫu hứng.)
Giang hồ lâu, cũng nhớ quê nhà,
Phong cảnh vườn nhà, đã khác xa.
Những sự yên họa là mộng cả;
Chiếc thắn bình ngạnh hoặc duyên ta;
Châu phơi bóng nguyệt, càng lai láng;
Ngọc giải hơi dương, mới sáng lòa,
Bực cũng muôn về, về cũng bức;
Ngủ đi lại sợ tháng ngày qua.

XUÂN-NAM

VII

LỤC BÁT

(Qua sông Bờ)

Ai đưa ta đến sông Bờ,
 Non thăm thẳm ánh nắng, nước lờ dờ trôi.
 Đoái nhìn sông Vị non Côi.
 Âm ầm sầm động; bên đồi xa xa.
 Xá gi rừng ải bao la,
 Thanh gươm, yên ngựa, xông pha chiến trường.
 Nước nhà gấp buổi phong sương.
 Tang bồng nặng gánh, táo khang nhẹ tình.

.

VIII

SONG THẤT LỤC BÁT

(Từ Hòa - Bình về Sơn - Tây)

Đầu non chân sông quản chi.
 Ba-Vành năm trước, Ba-Vì năm sau.
 Nợ cung kiếm, hay đâu bờ bến,
 Gánh cầm thư, quầy đến sơn-khé.
 Nước non nặng một lời thề,
 Chiều thu ác lặn, đêm hè cuốc kêu.
 Trách con tạo cột trêu chi mấy,
 Đề bao người vương lấy lầm than.
 Giang san này hối giang san,
 Mịt mù cát bụi, hoang tàn đất dai.

.

DẠM NGUYỄN

CHÚ THÍCH : Sông Bờ thuộc Hòa-Bình.

Sông Vị non Côi : Nam-Định. Núi Ba-Vành ở Hòa-Bình, Núi Ba-Vì ở Sơn-Tây.

IX

TÚ-TUYỆT LIÊN-HOÀN

Bài này viết trong khi dự cuộc trao đổi
Tù-binh ở bến Tế-Tiêu (Thu Quý-Ty)
của ĐẠM-NGUYỄN

« LỜI NGƯỜI TÙ BINH ĐƯỢC PHÓNG THÍCH »

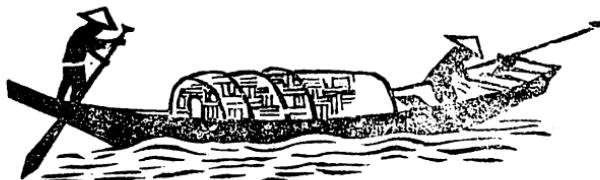
Cỏ rậm, rào thưa, bóng sẽ chiều,
Non sông như nhuộm vẻ tiêu điều.
Con thuyền tề độ đâu chăng tá
Đè khách chờ qua bến Tế-Tiêu !

Đè khách chờ qua bến Tế-Tiêu,
Gió vàng hiu hắt, giạ nhường thiêu !
Thà rằng kín cổng, cao tường mãi;
Nào thấy dày vơi, ngọn nước triều ?

Nào thấy dày vơi ngọn nước triều ?
Hương thôn tro-trọi, quán đình xiêu.
Tiếc công, lội suối, qua đèo nỉ ?
Con tạo cơ cầu khéo cột trêu !

Con tạo cơ cầu khéo cột trêu !
Bức tranh vân cầu vẽ nên điều !
Mau về nhẫn nhủ đồng-tâm vậy,
Ân dã nhường bao, lụy bấy nhiêu.

Ân dã nhường bao, lụy bấy nhiêu,
Ôn lòng săn sóc với thân yêu.
Mấy lời gửi lại chào ai đó,
Thong thả rồi đây, gấp gõ nhiêu.



Y-học thường-thúc

(tiếp theo tập I)

I. — Bệnh dịch-hạch và cách đề phòng dài và bụi bặm

phương-pháp đề-phòng.

Bệnh dịch-hạch là một bệnh truyền-nhiễm, (hay lây) rất đáng sợ. Bệnh này thỉnh thoảng vẫn thấy hoành-hành ở nước ta, nước Án-Độ, tỉnh Vận-Nam và miền Trung - Á.

Nguyên nhân bệnh này do vi-trùng dịch-hạch gây ra, Người ta còn gọi là vi-trùng YERSIN, vì chính nhà Bác-Học Yersin đã tìm ra vi-trùng ấy năm 1894.

Đó là một trực trùng, ngắn, hai đầu tròn, sống hàng mẩy tuầu lê trong đờm khô, trong xác chết hay trên đất. Chất sát trùng: ánh mặt trời và hơi nóng 100 độ, đều có thể giết chết một cách dễ dàng. Bệnh có thể lây bằng bộ máy hô-hấp, hay bộ máy tiêu-hóa. Các giọt nước miệng và đờm dài do người bệnh rải rác ra rất nguy-hiểm. Những giọt nước ấy vào mồm, mũi ta, hay vì ta bịt không khí bụi bặm mà vi trùng vào được trong cơ thể. Trong phòng thí-nghiệm người ta có thể làm cho giống vật mắc bệnh bằng

cách đe đờm dài và bụi bặm có vi trùng vào mũi chúng.

Nhưng cách lây bệnh thông thường nhất là ở trên da do những chích chích của loài bọ, thường sống trên thân thể thú vật.

Những con bọ ấy hút máu của người hay thú vật bị bệnh rồi chích một người lành và truyền vi trùng sang. Trong ruột của loài bọ, vi trùng sống mấy ngày.

Người ta đã thấy vi-trùng rất nhiều ở trên đất trong nhà có người bệnh. Trong các giống vật, có loài hay gặm, nhất là chuột, rất dễ mắc bệnh.

Người ta đã thấy rằng các trận dịch hạch to đều phát ra sau khi có một số lớn chuột chết.

Lúc chuột hay người bệnh chết, những con bọ sẽ dời xác chết mà đi. Vì thế các xác chết rất nguy hiểm. Chúng có thể sống ngoài thân thể thú vật hay người ở trong các xó nhà, trong rác bần, trong bụi bặm..

Trong loài chuột cũng có con không mắc bệnh mà vẫn có vi-trùng, vậy nên đề ý.

Không phải chuột nào cũng nguy hiểm bằng nhau. Chuột đen sống ở trên mái nhà, trong vựa thóc, nghĩa những chỗ khô giảo, là nguy hiểm nhất vì giống bọ của chúng bay chích người.

Con chuột mầu nhạt hơn, chuột cống và chuột đồng ở những chỗ ẩm thấp, ít nguy hiểm hơn.

Phương pháp đề phòng bệnh dịch hạch

Vi trùng dịch hạch truyền dì nhờ giống chuột, cho nên muốn đề phòng bệnh ấy ngoài, những phương pháp áp dụng cho người ốm, cần nhất phải diệt trừ giống chuột.

**Phương-pháp áp dụng cho
người ốm** — Người ốm và các người nghi là mắc bệnh đều bắt buộc phải đề riêng, trước khi đó, phải bắt sạch tất cả các con bọ trên người, công việc ấy rất nguy hiểm cần phải làm, xa tất cả mọi người, xa cả buồng bệnh, Áo quần sau khi được tẩy sạch tất cả bọ sẽ được giặt địa và tẩy trùng cần thận.

Nếu bệnh dịch hạch phổi, mỗi bệnh nhân phải được nǎm riêng một buồng kín Y-tá hay những người gần gũi bệnh nhân phải có vải che mồm, mũi và lỗ dĩ nhiên phải khoác áo ngoài.

Bắt buộc phải tẩy uế, trong lúc đang bệnh, phải cần tẩy-uế các bọng băng nếu là dịch hạch xoài, tẩy uế dorm dài nếu là dịch hạch phổi và dịch hạch máu.

Bệnh dịch hạch là một bệnh bắt buộc phải khai. (Theo luật lệ vệ sinh quốc tế)

II.— Phương pháp diệt trừ chuột

Muốn trừ chuột người ta có nhiều cách.

1) Người ta dùng bẫy chuột. Những cách ấy chỉ trừ được một số ít thôi. Vả lại giống chuột rất đa nghi, cần phải dùng cho chúng ngủi thấy hơi người. Như thế phải đổi qua cái bẫy, hoặc dùng tát tay bằng cao-xu, hoặc trộn lẫn vào mồi một ít dầu thơm. Nên chọn những thứ mồi sau này ; cà chua, mỡ, thịt sống, vân vân...

2) Người ta có thể dùng thú vật để trừ chuột : thường thường người ta dùng mèo, một đôi khi có thể dùng chó.

Cần phải có Giống khỏe mạnh. Nhưng cũng nên nhớ rằng mèo có thể bị lây bệnh và truyền sang người.

3) Người ta còn dùng chất hóa học để trừ chuột. Các chất ấy rất nhiều nhưng nguy-hiểm cho người và các thú vật khác nuôi trong nhà. Cần thận nhất là vì trẻ con không biết, có thể ăn phải, và trúng độc.

Người ta hay dùng chất Scille, hay một chất lấy ở đáy ra gọi Scilletine trộn lẫn với dầu hay mỡ.

Có thể dùng chất Plâtre trộn lẫn với bột và đường, để trong hộp đồ hộp, bên cạnh để một chậu nước. Chuột ăn vào phải uống nước, càng uống chất ấy càng chương lên và làm cho chuột chết.

4) Người ta cũng dùng vi-trùng để giết chuột. Thường người ta dùng vi-trùng thương hàn para B. Lẽ dĩ nhiên là chỉ dùng loại không sinh bệnh cho người. Trái lại sẽ gây cho chuột những trận dịch dữ-dội và giết chúng rất nhiều. Nhưng, phải biết rằng

con chuột nào bị bệnh mà thoát chết, sẽ được miễn dịch. Vì thế nên không nên dùng cách này hai lần gần nhau quá.

5) Người ta còn dùng cả hơi độc để giết chuột. Người ta dùng chất Anhydride Sulfureux rất tiện và giết được cả sâu, bọ ruồi muỗi. v. v...

Nhưng có hại như sau: hơi ấy gấp phải không khí và nước sẽ biến thành nhiều chất hóa-học khác mà cuối cùng là chất acide sulférique, rất nguy-hiểm.

III. — Con bọ làm lây bệnh bằng cách nào ?

Một con bọ trong cơ thể có máu người ốm đầy vi-trùng, đến chích một người lành hút máu người ấy, và trả một ít máu cũ đầy vi-trùng. Vi-trùng ấy sẽ do chỗ chích mà vào cơ thể người ta. Đó là một cách làm lây bệnh.

Cách thứ hai là do phân của chúng đầy vi-trùng. Phân ấy sẽ vẩy lên các nốt gai, và ngứa do bọ cắn.

Giải-đáp pháp-luật

Bản-Báo mở ra mục này, để giúp ích cho các bạn có việc về án từ, và để giải đáp những sự thắc mắc, những điều nghi vấn về Pháp-Luật của các bạn xa gần gửi tới. Tiếc vì trang báo có hạn, nên xin lần lượt trả lời, mong các bạn lượng cho.

I) *Hỏi.* — Trước đây 5 năm tôi lấy Thị-Mỗ làm vợ chính thê, có giấy giá-thú, do hộ lai làng vợ cấp phát. Sau vì duyên phận không hợp, vợ tôi có làm giấy xin về, mặc tôi lấy ai tùy ý. Nay tôi phải lấy người khác, trong nom công việc gia đình. Cha mẹ đôi bên đều thoả thuận, vậy xin hỏi :

1º) Căn cứ vào giấy của vợ tôi đã viết cho tôi, tôi lấy người khác làm vợ cả có được không ?

2º) Nếu không được, thì phải làm thế nào, mong Quý-Báo chỉ dẫn giúp cho.

1º) *Đáp.* — Ông không thể căn cứ vào bức tư-thức của vợ trước mà lấy người khác làm vợ cả được.

2º) Theo pháp-luật, thì người nào đã có vợ cả chưa tiêu hôn

mà lấy người vợ cả nữa là phạm vào tội Song hôn, (Bigamie) Ông phải làm đơn kẽ rõ sự tình, và định theo cả giấy của vợ ông đã viết, đệ ra Tòa-Án tỉnh ông xin tiêu hôn, tức là xin li-dị người vợ trước. Khi Tòa-Án đã cho phép tiêu hôn, ông mới có thể lấy người khác làm vợ cả được.

II) *Hỏi.* — Gia-dinh kia có 3 trai, một gái, đã trưởng thành cả, và có một khu nhà, đất là của chung; (Tổ phụ lưu lại chưa chia) Nay người gia-trưởng và người thứ hai viết bán đứt cho tôi khu nhà đất đó, và đem văn-tụ về quê lấy chữ ký của người thứ ba và người con gái, Vì ốm, hai người này không đến ký văn-tụ ở nhà tôi được. Khi lấy chữ ký xong, họ lấy cả chữ thị - thực của chức dịch làng đó, rồi đem văn-tụ giao cho tôi, để lấy tiền. Văn-tụ đó, tôi đem trả bạ. Nay tôi cho người thay mặt, về nhận đất, thì người thứ 3 và thứ 4 ra干涉, nói không hề ký bán cho tôi. Muốn tránh sự thưa kiện, phiền phức, tôi lại phải đưa thêm tiền cho hai người này,

và cả bốn người, đều ký nhận trước mặt tôi. Văn-tự cũng làm hợp pháp, và trước bạ. Nay họ lại còn muốn sinh chnyen, không chịu giao khu nhà đất đó cho tôi, Vậy xin hỏi :

1o) Tôi phải khiếu nại ở đâu? Tỉnh Gia-Lâm chưa có Tòa-Án Nhị-cấp.

2o) Tôi đệ đơn khởi tố, căn cứ vào bức văn-tự trước, hay bức văn-tự sau ? và kiện về việc hình hay việc hộ ?

Đáp. 1o) Tỉnh ông chưa có Tòa-Án, Gia - Lâm thuộc về Tòa-Án Hoa-Giải rộng quyền Hải-Dương. Ông đệ đơn khởi tố ở đó.

2o) Ông nên xuất trình cả hai bức văn-tự, cứ khai đúng sự thực. Ông kiện người già-trưởng và người thứ hai, đã dùng tinh lừa đảo, biến tao chữ ký hai người kia, theo bức văn-tự trước, và thỉnh cầu Tòa-Án đòi cả bốn người đã ký bức văn-tự sau, xét xử bắt họ giả khu nhà đất đó cho ông.

III. Hỏi. — Trong khi tản cư Hậu-phương. tôi có lấy một người quê ở làng.... phủ Thái-Ninh, tỉnh Thái-Bình, làm vợ cả, có lân hàng, thân thuộc nhà

gái chứng kiến, có làm lễ cưới và vào số giá-thú tại làng đó.

Khi chiến sự lan rộng, vợ chồng chúng tôi phải tản cư sang làng khác, rồi hồi cư Hà-nội. Tôi đã nhận lệnh động-viên, và hiện giúp việc tại Đệ-Tam quân-khu.

Vì chiến tranh, không thể về làng lấy trích lục giá-thú được. Vậy tôi phải xin ở đâu bán giá-thú, để nộp tại phòng làm sổ lương, nơi tôi làm việc, và phải làm giấy má thế nào, mong Quý-Báo chỉ bảo giùm.

Đáp — Nếu vì chiến sự không tiện cho sự di lại. Ông không thể về tận nơi đã làm giá-thú xin trích-lục được, ông có thể làm đơn ra Tòa-Án Sơ-Thầm Hà-nội, kề rõ sự tình, khai đúng tên tuổi người chồng, tên tuổi người vợ ; Ngày cưới và nơi cưới, viện ba người làm chứng kèm thêm giấy nhận thực của Khu-trưởng khu phố mà vợ chồng ông hiện ngụ, (Đơn và giấy thị thực, làm theo mẫu sau đây) rồi đệ ra Tòa-Án Sơ-Thầm Hà-nội, xin bản chứng chỉ.

Tòa-Án sẽ xét, và cấp cho ông bản chứng chỉ thay giấy giá-thú, để ông tùy nghi tiện dụng.

(Giám tem 3 đồng)

ĐƠN XIN CHỨNG-CHỈ THAY GIẤY GIÁ-THỦ

Hà-nội, ngày . . . tháng . . . năm . .

Kính gửi Ông Chánh-Án, tòa án Sơ-Thẩm Hà-nội

Thưa Ông,

Tên tôi là tuổi, nghề-nghiệp

. Thẻ Căn-Cước số Cấp tại . . .

ngày

và vợ là tuổi, nghề-nghiệp thẻ

căn-cước số cấp tại ngày . . .

chỗ ở

Kính xin Ông cấp cho một bản chứng chỉ thay giấy
giá-thủ của vợ chồng tôi, khi trước đã vào sổ Hộ-Tịch
tại nhưng vì chiến-tranh, sổ-sách bị
thất-lạc, tôi không thể lấy trích-lục được.

TÀI LIỆU

Tên chồng tuổi nghề-nghiệp Con Ông
. tuổi nghề-nghiệp Ông
(Còn sống hay chết)

Tên vợ là tuổi nghề-nghiệp

Con Ông tuổi nghề-nghiệp Ông

Và bà tuổi nghề-nghiệp Ông

(Còn sống hay chết)

Cưới ngày tại làng Tỉnh
(Vợ cả hay vợ lẽ)

Những Người Chứng

1/- Tên tuổi nghề - nghiệp
Căn cước số Ông

2/- Tên tuổi nghề-nghiệp
Căn cước số Ông

3/- Tên tuổi nghề-nghiệp
Căn cước số Ông

Kính dơn

**CHÚ Ý. — Phải đính theo giấy Khū-Trưởng nhận thực
(theo mẫu sau đây)**

MẪU GIẤY NHẬN THỰC

do Khu-Trưởng cấp. (đinh vào đơn xin chứng-chỉ giá-thú)

Giấy chứng-nhận

Tôi là Khu-trưởng Khu. . . Hanphi,
nhận-thực rằng trong số gia-dinh ông . . . Thẻ cǎn-cước
số. cấp tại. ngày.

Có kê tên bà là vợ của ông. . . .
. . . Cǎn-cước số. Cấp tại.
ngày. Đã khai vào số gia-dinh Khu tôi từ ngày
. . . . và hiện nay còn ở tại số nhà . . . Phố. . . .
thuộc Khu tôi.

Hà-nội ngày . . . tháng . . năm . .
Khu-Trưởng



(Đơn xin Bản-Án khai Giá-Thủ đã
đề quá hạn chưa khai vội Hộ-Lai)

Hanphi ngày. . . tháng . . năm . .

Kính gửi ông Chánh-Án toà Án Sơ-Thảm Hà-nội

Thưa ông,

Tên tôi là. . . . tuổi. . . . nghề-nghiệp. . . .
thẻ cǎn cước số. cấp tại. ngày. . . .
và vợ là. tuổi . . . nghề-nghiệp. . . .
thẻ cǎn cước số. cấp tại. ngày . . .

Kính xin ông cấp cho bản-án cho phép khai giá-thú quá
hạn cho. vì đã đề quá hạn chưa khai.

Tên chồng. tuổi, (sinh năm).

Tại. biện ngụ tại.
Con ông. tuổi . . . nghề-nghiệp.
thẻ cǎn-
cước số. cấp tại. ngày.
hiện ngụ
tại. (chỗ ở của bố mẹ.)

Tên vợ. (cũng như trên)

Cưới ngày. tại. Làm vợ cả, vợ kế hay vợ
thứ

Chúng tôi xin nại bà người làm chứng :

1/- Tên, . . . tuổi, . . . nghề-nghiệp. . . . Hiện
ngu tại. . . . số thẻ căn-cứu. . . . cấp tại.

2/- (như trên)
3/- (như trên)

Kính xin
Ký tên

CƯỚC-CHÚ : — 1/ Nếu bố mẹ đã chết phải xuất-trình giấy khai tử, nếu bố mẹ hai bên đều chết cả, đương sự phải khai tên hai đại-biều hai họ đã chứng-kiến hôn lễ, đến khai thay cho bố mẹ chết

II/- Nếu vợ hay chồng trước đã có giá-thú với người khác đã chết hoặc ly-dị, thì đương sự phải xuất-trình giấy khai-tử hoặc ly-dị.

III/- Nếu làm giá-thú vợ thứ, thì phải có vợ cả đến khai thuận-tình.
Các nhân-chứng phải từ 21 tuổi trở lên.



Hỏi : Tôi là Hoa-Kiều hiện ngu tại Hà-nội, trước đây ba tháng, có giao cho một người bạn đồng hương, một số tiền là 20.000 đg để về Hồng-Kong mua giúp tôi những đồ vật cần dùng. Người này có làm giấy nhận tiền và cam đoan rằng trong hai tháng sẽ giao đủ thứ hàng cho tôi đã kê trong giấy. Nay họ về Hồng-Kong đã sang, mà không y ước giao những thứ đó cho tôi, và đã hơn tháng nay, cũng không trả lại tiền. Nhiều lần, tôi hỏi chỉ khất lần. Vậy xin hỏi:

1º) Tôi phải khởi tố tại Tòa-Án nào có thẩm-quyền ?

2º) Đơn viết bằng tiếng Việt-Nam hay tiếng Pháp ? Nếu làm chữ Pháp, thì làm như thế nào ? Mong Quý-Báo chỉ bảo giúp cho.

Đáp : 1º) Ông là Ngoại-kiều, quốc tịch Trung-Hoa, lẽ tất nhiên, ông phải đệ đơn khởi tố tại Tòa-Án Sơ-Thẩm hỗn-hợp (Tribunal mixte) là Tòa-Án có thẩm quyền.

2º) Đơn đệ ra Tòa-Án hôn-hợp, ông nên làm bằng chữ Pháp thì hơn, cần nhất là phải dính theo tờ giấy biên nhận tiền của người bạn ông.

Đơn làm theo mẫu sau đây : (Ông chưa thêm ngày tháng, tên, chổ ở của ông, cùng tên và chổ ở của bạn ông vào.)



Hanoi, le

A Monsieur le Procureur de la République
Prés le Tribunal de Ière instance à
Hanoi

Monsieur le Procureur de la République.

Je, soussigné domicilié
. ai l'honneur de déposer entre vos mains, contre
le sieur domicilié :
une plainte en abus de confiance, relative aux faits suivants:
Le , j'ai remis au sieur
une somme de , . . avec maudit d'acheter des marchandises.
La mission confiée au sieur ainsi que la remise
de la somme indiquée se trouvent établies par un reçu rédigé
et signé par le dit sieur que je tiens à votre disposition.

Or, depuis cette date et malgré mes nombreuses démar-
ches amiables, il m'a été impossible d'obtenir, du dit sieur,
une justification quelconque de l'emploi de la somme que
je lui ai confiée.

Dans ces conditions, j'ai l'honneur de vous prier, Monsieur
le Procureur de la République; de bien vouloir donner à la
présente plainte la suite qu'elle comporte.

Veuillez agréer, Monsieur le Procureur, l'assurance de
mes sentiments les plus respectueux et reconnaissants.

Signature :

CUỐN SÁCH NỀN ĐỌC :

Muốn luyện tập tiếng pháp, nên đọc cuốn « MÈO PHÁP-VĂN » bỏ túi dễ hiểu, dễ nhớ, dễ dùng chữ, đặt câu đỡ lối, do Đạm-Nguyên Thư-cục xuất bản. Dưới đây là lời giới-thiệu của : Báo T.S. ngày 6-11-1953

Ông Đạm-Nguyên, một nhà văn rất quen biết, đã từng xuất bản nhiều cuốn sách có ích, như cuốn ; Danh-từ thường-thức, Thi-ca với chiến tranh, Một con đường v. v. trong có nhiều bài văn thơ đã trúng giải thưởng của các cơ-quan chính-quyền. Xin giới thiệu cùng các anh em học-sinh cuốn : MÈO PHÁP, VĂN, bỏ túi. 82 trang, giá 10 đồng.



GIỮ SỔ KẾ-TOÁN, KHAI THUẾ LỢI TỨC

Theo luật lệ mới ban hành, các nhà thương mại kĩ-nghệ đều phải làm sổ kế-toán, và khai thuế lợi tức.

Bản sở được phép mở ra, do những nhà kế-toán chuyên môn, lành nghề, cẩn thận, có đủ tin nhiệm, nhận làm sổ sách kế-toán, khai thuế lợi tức giúp các nhà thương-mại kĩ-nghệ.

Bản sở đảm nhận các việc sau.

Kế-toán hợp pháp (Comptabilité légale) Bilan kế-toán (Déclarations fiscales) Khai thuế lợi tức (Contrôles comptables périodiques) kiềm soát sổ sách từng thời hạn. Expertises (Giám định)

Văn phòng kế toán 27 Phố Gia-Long, Hà-nội
Giám-Định-Viên Vũ-đinh-Giàng 33 Avenue Belgique, Haiphong

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bản báo vừa tiếp được cuốn **TÂM-NGUYỄN THI VĂN TẬP**, tập I, do ông **ĐẠM-NGUYỄN** (Nguyễn Thanh-Đàm) ở làng Yên-Đồ gửi tặng. Cuốn này sách do những cây bút điêu luyện của các vị khoa mục, Tân cựu học điêu khiền. Trong có những trang văn-nghệ, khoa-học, Y-học, Sử-ký, Chính-trị, Âm-nhạc Danh-từ-thực dụng; Danh từ Tư pháp, Quân-Sự Pháp-Luật dân-giải, Phê-trương Pháp-văn. Một cuốn sách có ích cho hết thầy mọi người.

Ông **ĐẠM-NGUYỄN** một cây bút rất quen biết trong làng văn, các báo đã nói tới ông nhiều lần. Xuất thân ở nơi khoa bảng, ông đã chuyên chủ về nghề viết sách, báo từ lâu, và đã trước thuật được nhiều sách eó ích như cuốn danh từ thực dụng, Mẹo pháp văn, Thi ca với chiến tranh, Một con đường v.v... Các nhà cầm quyền đã từng tán thưởng.

Mới đây, trong các cuộc thi thơ văn, do các Cơ-quan chính-quyền tổ; chức cuộc thi xà-luân của Toà Thị-Chính Hà Nội; Cuộc thi khánh thành Cầu Thủ-Hữu; cuộc bình văn giỗ trận-Đống-Đa; Cuộc thi khánh thành Hội quân Trí Thủ-Dục Tỉnh Thái-Bình v.v... Ông đều trúng giải thưởng (Số tiền thưởng ông đều ủng hộ hết vào các quỹ-tù-thiện. Các báo đã nhiều lần ngợi khen.

Cuốn **TÂM NGUYỄN THI VĂN TẬP**, tập I, dày 120 trang có 14X26, bìa in 3 màu, có tranh ảnh; có đủ các thể văn thơ ngoài các yếu mục khác. Bản báo vui lòng giới thiệu cùng các bạn Độc giả một cuốn sách có ích

Có bán tại các hiệu sách lớn, giá mỗi cuốn 20 đồng

(Trích báo L.H. số 1062 ngày 29-4-1954)

Radio Bích Ký

274 Duy - Tân Hanoi

*Ai qua phố Huế - uy-Tân ?
Nhớ hiệu Bích - ký, vào thăm cửa hàng.
Thu thanh tiếng nói rõ ràng.
Đã lành nghề chữa, lại đường bán mua*

Radio Bich-Ký 274 Duy-Tan.



việt-Hưng

Chuyên môn Hiếu, Hỷ, Đối Chương

BÁN BUÔN VÀ BÁN LÉ

Hàng Thêu và Dán. Vẽ và May Áo tết. Mũ, Cờ v.v.

22 Hàng Hòm Hanoi



Thi văn mới

Các bạn Tân-Học nên đọc cuốn « Một con đường » cũng như các vị nho học nên xem cuốn « Thi ea với chiến tranh » do Đạm-Nguyễn Tu Thư cục xuất bản có bán tại các hiệu sách lớn và 13 Duy-Tân Hà-nội : Trong những tập đó, có nhiều văn thơ đã trúng giải thưởng do các Cơ Quan Chính Quyền tổ chức.



Amis lecteurs

Lisez et Faites lire

Abonnez à la Revue encyclopédique Tầm-Nguyễn : ou faites-y une publicité. La Revue Tầm-Nguyễn contient des pages littéraires, scientifiques historiques, médicales et politiques, des notes explicatives sur les termes sino-vietnamien, et un supplément en français.

Siège de la Rédaction : 13 Rue Duy-Tân Hanoi.

But de la revue Tâm-Nguyên

La Revue Tâm-Nguyên vise deux buts : La diffusion de la pensée orientale et occidentale et le développement culturel. La Revue publiera des articles sur les opinions littéraires, et politiques.

Dans les 1er et 2ème numéro, vous lirez :

Poésie et Portrait du Poète Nguyễn-Khuyễn (1er lauréat du	Concours Doctorat	Par Vy-Kiều
Vœux de bonne année	Le retour du printemps	Par Nguyễn văn-Bish, Par Đạm-Nguyễn
Critique littéraire : M. Hoàng xuân-Hãn. Agrégé et la traduction de « Chinh-Phụ-Ngâm »,		Par Biêt-Lam
Théorie des Atomes		Par Mạnh Hà Licencié en Mathéma-tique
Vie littéraire de Cao Bá Quát.		Vị Kiều
Le poète et son devoir envers la patrie.		Mạnh Ha professeur licencié en Ma-thémétique
Napoléon et les savants de Milan		Traduction de Đạm-Nguyễn
Réponse de la veuve.		Traduction de Mẹ Giáo-Minh
Les 1hô au Viêt-nam Norid.		Biêt-Lam
Leurs mœurs et coutumes.		Par Ngô-Lập-Chi, licencié
Pensées d'orient et d'occident		Par Vũ-huy-Chiều, Bachelier:
Contes fabuleux (traduction).		Par Nam-Trung-Tử
Histoire mondiale de l'U.R.S.S		

Conseils hygiéniques et des désinfections : notions élémentaires de droit Explications des Termes Sino-Viêt-namiens. Supplément en français etc... sortis des plumes expérimentées.

La Rédaction se réserve le droit de n'insérer que des articles susceptibles d'être publiés

Les abonnés mensuels ou annonceurs de la Revue Tâm-Nguyễn sont priés de s'adresser à la Direction de la Revue, n°13, Rue Duy-Tân Hanoi

La Direction

Bức thư ngỏ,

Cùng các bạn Học-Sinh thân mến

I. — Phải chăng là một sự tình-cờ. — Trong lúc mọi người đang mải mê với công việc, tuy rằng nền tảng văn-hóa đã được bao nhiêu bàn tay săn sóc, đến, tuy các trường công, cũng như tư đã mở rất nhiều, nhưng vẫn không sao đủ nhu-cầu cho những người hiếu học,

Đã bao lần sự mong mỏi của chúng tôi là sao cho một cuốn sách giáo-khoa hay một tạp-chí khoa-học và văn-học đầy đủ, giản dị, dễ hiểu, dễ có thể tự học, may chăng giúp đỡ các bạn phàn nào trong bước chập-chững của đường học-vấn.

Sở-vọng ấy chúng tôi đã xây-dựng từ lâu, mong một ngày gần đây cù-hợp một nhóm giáo-sư kinh-nghiệm đem khả-năng của mình mà bồi-khuyết cho nhau, đem ý-kien của mình mà phê-phán, lẫn nhau, cùng nhau xây-dựng một tạp-chí khoa-học và văn học, ngõ hầu giúp các bạn học-tập, trong lúc sách giáo-khoa còn thiếu sót, và góp một viên gạch trong công-cuộc xây-dựng nền-móng của văn-học ngày mai.

Thì may thay ! trong một cuộc đàm-luận với ông Đạm-Nguyên, Giáo-sư sinh-ngth, sáng lập tờ báo « TÂM-NGUYÊN » và ông Ngô-Lập-Chi, cù-nhân giáo-sư văn-khoa Đại-Học, chúng tôi rất sung sướng đã tìm được những người bạn chân-thành, cùng lý tưởng biết nghĩa-vụ, có công-tâm, để cùng chúng tôi cộng tác biên-soạn tờ Tâm-Nguyên đặc san nhằm mục-đích giáo-khoa và văn-nghệ

II. — Đây là vấn-đề. — Cuốn Tâm-Nguyên Khoa-học và Văn-Học Đặc-san của nhóm giáo-sư chúng tôi ra đời giữa lúc Quốc-Gia đang đòi-hỏi sự cố-gắng rất nhiều của các bạn nam-nữ học-sinh, đang tiến thân trên con đường học-tập, Nền-tảng giáo-dục, và công-cuộc kiền-thiết của tương-lai đang chờ những bàn tay của các bạn, những con người

đầy một bầu nhiệt-huyết, những con người thanh-niên chưa
đầy hai chục tuổi xuân đang hăm hở trên con đường học-
văn, đê hy-vọng ngày mai cầm một bông hoa chiến-thắng nở
trên dài dân-tộc.

Tuy hiểu rõ cái sứ-mạng của giáo-đức, cái nhiệm-vụ của
chúng tôi, nhưng chúng tôi không dám tự tin ở mình. Vì
thành hay bại là do sự giúp đỡ của các cơ-quan chính-quyền
sự cộng tác của các bạn, cộng với sự có mặt của chúng tôi;
chứ riêng mình chúng tôi đâu dám ham-vọng hoàn-thành cái
sứ-mạng cao-cả ấy. Cố nhân có câu:

*Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

Lẽ ấy chúng tôi hy vọng rằng cuốn Tâm-Nguyên khoa-học và văn
học Đặc-san ra đời sẽ được bao nhiêu bầu nhiệt-huyết tận tâm giúp đỡ,
bao nhiêu lời chỉ giáo của các bậc cao-minh, để dẫn chúng tôi đi tới
đích của nó.

Với những điều nhận xét thô-thiển của chúng tôi ở trên đây, cuốn
Tâm-Nguyên khoa-học và văn học ra đời gồm có hai loại, luyện thi
Phổ-Thông, và Chuyên-Khoa. và chia làm ba mục :

A. — KHOA HỌC.

Đại-số, Hình-bọc Tượng giác. Vật-Lý, Hóa-Học, ôn qua phần Lý
thuyết và các bài đã giải ra các kỳ thi Phổ-thông Chuyên-Khoa, do các
Giáo-Sư kinh-nghiệm gửi đến, và qua sự lọc-chọn của ban Biên-Tập

B. — VĂN HỌC.

Luận-đề và nghị-luận có dàn bài chi tiết giảng văn về các Tác-Phẩm
trong văn-học-sử, do các Giáo-Sư văn-chương gửi đến. Sinh-nghĩ, dịch
hay luận có dàn bài và bài mẫu

. — VĂN NGHỆ PHỔ THÔNG.

Sưu-tầm tin-tức chính trị trong và ngoài nước, phần tìm hiểu trong
khoa-học và văn-học, truyện vui giải-trí do những cây bút đam-mê-luyện gửi
đến đã được lựa chọn.

Đây là nội dung, tôn-chi của Tâm-Nguyên hướng về các bạn học-
sinh, những mầm màng trẻ của xã-hội ngày mai

**Đây Tầm-Nguyên, người bạn của các bạn trong cảnh khuya, sách đèn
mệt nhọc**

Để kết-huân văn-đè, chúng tôi đánh bạo ra mắt các bạn và hy-vọng
nó sẽ thành công trong sự cố-gắng của chúng tôi; cộng với sự có
mặt của các bạn và những lời chỉ-giáo của các bậc cao-minh.

Các bạn Học-Sinh! Tầm-Nguyên sẵn-sàng đón những cây bút về
Văn-Nghệ cũng như văn-học và Khoa-Học của các Bạn gửi đến. Dù
răng non nớt trong bước đầu. Tầm-Nguyên của nhóm Giáo-Sư chúng tôi
sẽ nâng đỡ các bạn và hy vọng ở sức mạnh tiến của các bạn, để cho
Tầm-Nguyên bước tới đích của nó.

Thủ-Đô mùa hoa phượng nở

BỘ BIÊN-TẬP: MỘT NHÓM GIÁO-SƯ

Sáng lập: ĐẠM NGUYỄN

Chủ-bút: MẠNH-HÀ



Đính Chính

SỐ TRANG	SỐ GIỜNG	CHỖ LÂM	ĐÍNH CHÍNH
4	13	Văn học	Văn học
8	2	Kiểu kiểu	Cửu cửu
12	25	cé que	cé qui
22	18	li 1er pas	le 1er par
30	26	n'arrive	Je n'arrive
35	12	vers	ver
35	24	coucher	Chercher
59	28	caernement	Casernement
67	7	am	làm
71	12	diều	diều
73	5	dĩ ứng	dĩ ứng
80	11	dâu bờ bến	sen hẫu lụi
80	12	lẫn cỏ cây	cỏ dã dầy
80	13	sỏi	giỏi

Kiêm duyệt số 1237 ngày 3 tháng 6 năm 1954

In tại nhà in riêng của Tầm-Nguyên

KÍNH THUA CÁC BẠN ĐỘC-GIÁ,

Vì sự cần thiết hiện thời, và theo lời đề nghị của một số đồng Phu-huynh học-sinh, Tâm-Nguyên Tập-Chí số III, phát hành vào đầu tháng 7 Dương lịch, sẽ thay đổi nội dung, nhấn mạnh về phần Khoa-học và văn-học, với các đề-thi Trung-Học Phổ-Thông và Chuyên-Khoa, (Tử-Tài phần I) Đại-số, Hình-học, Lượng-giác, Vật-Lý, Hóa-học, Văn-học Sứ, Luận Đề; Nghị-Luận: Sinh-Ngữ v.v... để giúp các bạn Học-Sinh trong các kỳ thi sắp tới.

Bộ Biên-Tập gồm có một nhóm Giáo-Sư Đại-Học, đầy kinh-nghiệm điều khiển, và do Giáo-Sư Mạnh-Hà, Cử-Nhân Toán và Khoa-Học đứng chủ bút.

Các bạn xa gần có nhã ý tán thành mục đích trên; hoặc giúp về sự cỗ động, hoặc giúp cho những văn-bài hợp với trình độ của các Học-sinh luyện thi Trung-Học và chuyêna-khoa phần I. Bản-Báo hết sức hoan nghênh.

T.N.T.C.

CÁC BẠN HỌC-SINH,

TÂM-NGUYÊN KHOA-HỌC VÀ VĂN-HỌC Đặc-San là người bạn trung thành của các Bạn trong cuối kỳ-thi phổ-thông và Chuyên-khoa.

TÂM-NGUYÊN KHOA-HỌC VÀ VĂN-HỌC với các mục: Đề thi Trung-Học và CHUYÊN-KHOA, Đại số, Hình-học, Lượng-giác, Vật-Lý Hóa-học, Văn-học Sứ, Luận-Đề, Nghị-luận, sinh-ngữ v.v... sẽ giúp ích các bạn rất nhiều, trong cuối kỳ-thi.

Bộ biên-tập gồm có một nhóm Giáo-sư, đầy kinh nghiệm và chọn lọc.

Hãy đón coi TÂM-NGUYÊN KHOA-HỌC VÀ VĂN-HỌC có những bài toán giản-dị, dễ hiểu, những dùn bài, luận đề tể nhị; những áng văn túyệt tác, những lập luận vững vàng, của các Giáo-Sư kinh nghiệm.

Mỗi tháng ra một kỳ, có hai loại: Phổ Thông và Chuyên-Khoa

Sáng-lập

Chủ-bút: Giáo-sư Mạnh-Hà

ĐẶM-NGUYÊN

Cử-nhân Toán và Khoa-học

TÂM NGUYÊN KHOA-HỌC VĂN-HỌC ĐẶC-SAN

Bộ Biên-tập

13, Phố Duy-Tân — Hà-nội

